

## ĐẦU NGUỒN, CUỐI SÔNG

### *Chuyện ở đầu nguồn Da Dung...*



Tôi ngồi chen vai cùng 7 người lính Biệt Động Quân khác trên sàn chiếc trực thăng thứ nhì trong đội hình của 12 chiếc UH1D chở quân tham chiến ngày hôm đó.

Dưới bụng con tàu là một dải bạt ngàn, tre nửa màu xanh.

Chúng tôi đang bay trên vùng rừng già của Cao Nguyên Bảo Lộc. Dưới kia là con sông Da Dung (Đọc là: Đa Dung) uốn mình qua một khúc quanh.

Đoàn tàu lượn vòng vòng trong khi trực thăng võ trang bắn phá âm âm để dọn bãi.

Từ tọa độ của bãi đáp này, con sông bắt đầu có thêm cái tên mới là Đồng Nai nằm kế cái tên Da Dung. Tên Đồng Nai còn đóng trong ngoặc đơn (Đồng Nai).

Hai cái tên Da Dung và Đồng Nai còn đeo theo nhau trên một đoạn đường dài, tới địa phận ranh giới Trung Phần và Nam Phần thì địa danh Da Dung biến mất, chỉ còn lại tên Đồng Nai thôi.

Chúng tôi đổ bộ trên một bãi cát ven bờ Bắc.

Trên bản đồ thì đây là một vạt cát trắng bất di dịch, nhưng trên thực tế thì vào mùa mưa, bãi hẹp hơn mùa khô.

Hôm ấy là một ngày đầu tháng Tám, giữa mùa mưa năm 1968, mực nước sông dâng cao, sắp tràn bờ.

Bên hướng Đông bãi đáp là một dãy đồi cao, rừng tre, dốc đứng.

Đoàn quân 96 người dàn hàng ngang tiến lên ngọn đồi gần nhất.

Tôi cứ leo lên được hai bước, thì lại bị tụt xuống một bước; đường trơn như mỡ, đất đỏ quánh như hồ.

Chúng tôi yên tâm leo, vì tin tưởng vào hỏa lực hùng hậu của 4 chiếc trực thăng vũ trang Cobras đang “Bập!Bùng! Oành! Oành!” nổ ngay trước mặt.

Không lâu sau, chúng tôi làm chủ ngọn đồi; trên đồi không có địch!

Chiếm xong ngọn đồi, để bảo đảm an ninh, tôi liền cho một toán tiền sát thăm dò dấu vết địch dưới con suối và ngọn đồi trước mặt. Vì nếu không mở rộng vòng đai an ninh xa, có nhiều khi quân ta và quân địch nằm cách nhau chỉ vài chục thước mà ta không hay.

Có những cấp chỉ huy ơ hờ không đề phòng, cứ ngừng quân là hạ trại qua đêm liền, đâu ngờ trước đó, địch đã ở sẵn sát bên. Tới khi bị địch tập kích bất ngờ thì không tài nào trở tay kịp.

Sau khi ra lệnh cho Thiếu úy Đặng Hữu Duyên lo việc kiểm quân, tôi mời một điều thuốc Lucky rồi ngồi xuống nghỉ.

Chợt từ phía hậu quân, tôi nghe léo nhéo: “Ông cho đếm lại đi!” Tiếng Thiếu úy Duyên ra lệnh cho một vị trung đội trưởng.

Rồi tiếp đó: “Tụi mày ngồi im tại chỗ để tao đếm. 1, 2, 3, 4, 5... Trình Thiếu úy mới có 23, thiếu 2 đứa!” Tiếng Thượng sĩ Nguyễn Lược, Trung đội phó, Trung đội 3.

Một phút sau: “Thiếu úy ơi! Thiếu thàng Đông và thàng Hậu.” Tiếng ông Lược.

“Ông cho anh em khói lửa đi! Tôi sẽ trình với Trung úy phái người xuống kiểm 2 thàng này.” Tiếng ông Duyên. (Khói lửa: nấu cơm, nấu bếp).

Anh Duyên trở về ban chỉ huy, nói nhỏ với tôi:

– Tôi kiểm quân rồi, cả đại đội thiếu 2 người, là thàng Đông và thàng Hậu của Trung đội 3.

Tôi ra lệnh:

– Ông cho toàn bộ Trung đội 3 quay lại bãi đáp tìm 2 thàng đó ngay!

Nhận lệnh của tôi, cả Trung đội 3 vội dẹp bếp núc, nôi niêu, nhanh chóng xuống đồi.

10 phút sau trong máy truyền tin có tiếng Thượng sĩ Lược:

– Lạ quá! Thái Sơn xuống mà coi!

– Gì vậy?

– Thái Sơn xuống coi đi! Hình như 2 thằng này bỏ trốn chứ không phải đi lạc!

– Ủa? Chờ đó đi! Tôi xuống ngay!

Đội mưa, tụt xuống dốc, chỉ mấy phút sau tôi và 3 anh lính hộ tống đã tới bờ sông.

Trung đội 3 đang bố quân hướng cuối nguồn. Thượng sĩ Lược đưa tay vẫy:

– Trung úy ơi! Lại đây!

Tôi tiến nhanh về phía ông Lược.

Vì có rừng cây cao che chở, nên mưa chưa xóa mờ dấu chân giày in trên cát. Rõ ràng có 2 dấu giày đi rừng, một lớn, một nhỏ, đè lên nhau nhắm hướng một ngọn đồi hướng Tây Bắc của bãi đổ quân. Trong khi đó thì dấu chân của đơn vị tôi lại quần nát cả một vùng rộng lớn trải dài từ bãi đáp trực thăng tới chân ngọn đồi hướng Đông Bắc.

Chắc chắn 2 anh lính này đã bỏ ngũ giữa rừng già. Họ đi ngược đường của đơn vị.

Tôi ra dấu cho Trung đội 3 chia hai cánh theo sát dấu giày phía trước. Tới chỗ chân dốc, tôi cho quân ngừng lại.

Nơi này còn cách Liên Tỉnh Lộ 8B gần 2 cây số.

Muốn tới Gia Nghĩa, Quảng Đức, phải đi qua một đoạn đường dài hơn 20 cây số nữa.

Con đường Liên Tỉnh Lộ 8B từ Gia Nghĩa, Quảng Đức đến Di Linh, Lâm Đồng đã bị bỏ hoang lâu lắm rồi. Nếu 2 anh lính này mò ra đường chắc chắn sẽ gặp Việt cộng.

Tuy trong bụng tôi nghi 2 anh tân binh này đã trốn đi, nhưng bắt buộc tôi phải cho Trung đội 3 ém quân bên bãi đáp, phòng khi 2 anh này quay trở lại.

Trung đội 3 vào vùng kỳ này không có trung đội trưởng, Chuẩn úy Đinh Quang Biện bị sốt rét phải nằm bệnh viện Đà Lạt. Ông Thượng sĩ già đành phải thay ông Chuẩn úy trẻ để đảm nhận chức vụ chỉ huy.

Tôi nói với Thượng sĩ Lược:

– Ông cho anh em nằm trong bìa rừng. Nếu có động tĩnh gì thì cho tôi hay.

Leo lên đồi, tôi báo chuyện này cho Đại úy tiểu đoàn trưởng. Tôi xin ông cho phép tôi tiến quân chậm lại một vài ngày.

Sáng hôm sau, tôi cho lệnh Trung đội 3 bắn cầm chừng, vài ba phút một viên về hướng Tây Bắc, hy vọng nghe tiếng súng, 2 anh tân binh sẽ quay lại.

Một ngày dài qua đi, tôi không có tin tức gì về 2 người lính mất tích.

Ngày tiếp theo, để bảo đảm an ninh vị trí đóng quân, tôi ra lệnh cho Thiếu úy Duyên dẫn Trung đội 1 của Thượng sĩ Ngọ và Trung đội 2 của Thiếu úy Vi tiến về hướng chính Bắc để thăm dò tình hình địch trên hai ngọn đồi cao trước mặt.

Trung đội 1 và Trung đội 2 đi rồi, Trung đội 3 còn ở dưới suối, nên trên đồi hiện giờ chỉ còn Trung đội chỉ huy, với khẩu đội cối 60ly và 2 khẩu đội đại liên M60.

Phút chốc tôi cảm thấy ngọn đồi như rộng thêm ra, tiếng thác đổ từ dưới chân đồi vọng lại nghe như rõ hơn, gần hơn.

Tôi ngồi bên một bếp lửa hồng, mặt tôi nóng bừng bừng, nhưng lưng tôi lại lạnh toát như đang có một cục nước đá trượt qua, trượt lại dọc theo xương sống.

Suốt hai ngày dầm mưa, thêm một đêm thức trắng, có lẽ tôi đã bị cảm mạo mất rồi!

Bỗng tôi nghe dưới bãi đáp có tiếng súng nổ ran, rồi tiếng Thượng sĩ Lược trên tần số:

– Trình Thái Sơn! Tụi nó giả trang làm Biệt Động Quân! Thái Sơn coi chừng cẩn thận!

Nghe ông Lược nói, tôi chẳng hiểu gì cả, nên gặng lại:

– Cái gì? Ai giả dạng? Có gì mà bắn phá tùm lum dưới đó vậy?

– Dạ! Việt cộng nó giả dạng Biệt Động Quân! Chúng nó chui ra khỏi rừng bắn nhau với tụi tui mấy viên rồi chạy mất!

– Kết quả ra sao?

– Dạ! Bên ta vô sự! Bên địch cũng... vô sự!

– Thôi! Cuốn gói về đây!

– Dạ!

Tôi gọi Y tá Đức lên, xin mấy viên thuốc cảm, rồi ngồi chờ ông Lược.

Chỉ 15 phút sau thì Trung đội 3 về tới vị trí trú quân.

Thượng sĩ Lược vừa thở, vừa tóm lược chuyện xảy ra cho tôi nghe.

Thì ra sáng nay lính gác thấy thấp thoáng bóng người xuất hiện nơi bìa rừng Tây Bắc bèn cho lệnh báo động. Sau đó có tiếng la:

“Đừng bắn! Tôi đi lạc, trở về! Đừng bắn!”

Cũng may là, lúc đó Thượng sĩ Lược có mặt ở phòng tuyến ngoài, ông Lược nhìn thấy 2 người mặc quần áo rằn ri, nhưng tay lại thủ súng AK47, tiếng nói lại là giọng Bắc.

Ông Lược biết chắc chắn rằng, 2 anh tân binh thất lạc là người Nam, không thể đổi thành giọng Bắc rất như thế được!

Rồi ông đã có phản ứng thật nhanh. Tay ông bóp cò khẩu M16, miệng ông la lớn:

– Việt cộng! Bắn đi! Bắn đi! Anh em ơi!

Mấy anh lính trong trung đội, nghe người chỉ huy la thất thanh ra lệnh bắn, nên vội ôm súng tác xạ văng mạng, miệng cũng hét vang:

– Việt cộng! Việt cộng! Bắn! Bắn!

23 khẩu M16 liên thanh đua nhau nổ rền.

Tiếc thay! Quân của ông thượng sĩ già phản ứng nhanh như vậy mà địch cũng chẳng chết thằng nào!

Ngày kế đó tôi cho Trung đội 2 của Thiếu úy Vi thay thế Trung đội 3, tiếp tục phục kích các ngã đường dẫn về bãi đáp, nhưng không phát giác động tĩnh gì.

Tôi báo cho tiểu đoàn biết chuyện địch giả trang người của ta để đánh ta, và đề nghị ông tiểu đoàn trưởng thông báo chuyện này cho các đơn vị bạn để đề phòng.

Quả nhiên 2 ngày sau, đại đội của Trung úy Nguyễn Văn Cơ thuộc Tiểu Đoàn 22 Biệt Động Quân hoạt động cách tôi 3 cây số về hướng Tây cũng bị địch giả dạng Biệt Động Quân để đột kích.

Vì đã được thông báo đề phòng, nên quân bạn đã bắn chết ngay 2 tên Việt cộng mặc quần phục rằn ri đi đầu, còn bọn giặc núp theo sau cũng phải ủa nhau chạy bán mạng.

Kỳ hành quân này nhiệm vụ của đại đội tôi là tìm và phá hủy các căn cứ tăng gia sản xuất của địch trong rừng núi vùng 30 cây số Đông Nam thị trấn Gia Nghĩa tỉnh Quảng Đức. Vì chuyện 2 người lính thất lạc mà mấy ngày nay, chúng tôi cứ loanh quanh gần khu vực bãi đáp, không tiến lên được bước nào.

Tới ngày thứ năm tôi cho đơn vị nhỏ neo nhãm hướng chính Đông.

Mục tiêu chúng tôi phải tới ngày hôm đó có tên là “Bravo” điếm xa nhất trên phóng đồ hành quân trong tay tôi. Bravo là làng Bích Khê nằm cách nơi tôi đáp đất gần 5 cây số.

Qua một cái thông thủy, chúng tôi leo lên một ngọn đồi, mặt đất thoải thoải về Đông Bắc, tre rừng đã bị phát quang, dọn thành từng đồng, sẵn sàng đốt để làm nương lúa lóc.

Như vậy những người chặt nương, phát rẫy ở cách đây không xa. Vùng này không có dân, người khai nương phải là cán binh trực thuộc 1 đơn vị tăng gia của địch.

Tôi bị cơn sốt rét rừng hành hạ gần 4 ngày rồi. Mặt tôi thì nóng phùng phùng, còn hai chân tôi lại nặng như đeo chì. Tôi phải nhờ vào một cái gậy chống để bước đi không bị lão đảo.

Ngày nào Y tá Đức cũng phải chích cho tôi một liều thuốc ký ninh chống sốt rét cùng một mũi Calcium cho ấm phổi.

Dù đã cố gắng hết sức để chữa trị cho tôi, nhưng chú Đức bắt đầu nản lòng rồi; Đức khuyên tôi xin máy bay tải thương để về Bệnh Viện Đà Lạt chữa bệnh.

Bình thường thì tôi đã nghe lời chú Đức rồi, nhưng với tình hình hiện giờ, đơn vị tôi có thể chạm trận bất cứ lúc nào, nên tôi không dám xin tải thương mà để đại đội lại cho người khác chỉ huy. Tôi hy vọng không có gì bất trắc xảy ra trên đoạn đường từ đây cho tới Bravo. Tới Bravo sẽ không còn bị rừng già che phủ, bớt sơn lam, chướng khí thì người bệnh sẽ dễ thở hơn.

Chúng tôi ẩn mình trong rừng để di chuyển.

Tới cuối dốc, tai tôi bỗng nghe tiếng tre uốn, “Ken két! Rào rào!” như có bão.

Tiếng động không ào lên như cơn gió lốc, mà di chuyển thành luồng, giống như có con trăn hay con giồng khổng lồ đang uốn khúc lượn qua các ngọn tre.

Tôi cho anh em dừng lại, ghìm súng chờ. Lần đầu thuộc cấp của tôi thấy tôi làm điều mà ít khi họ thấy, tôi rút cây Colt 45 ra, quỳ gối, thủ thế sẵn sàng bóp cò!

Rồi thì, “Vèo! Vèo! Ào! Ào!” trên ngọn tre có những vật đen bay từ cây này sang cây khác.

Mỗi vật đen to bằng cái ba-lô mang vai của lính.

Hóa ra đó là một đàn vượn rừng. Chúng di chuyển bằng cách đu mình theo đà nhún của những cây tre.

Thân tre oằn xuống, rồi tung lên, cành tre đập vào nhau nghe, “Ken két! Rào! Rào!” từng đợt.

Khi đu mình ngang chỗ đoàn quân đang núp dưới gốc tre, lũ vượn phát giác ra sự hiện diện của con người, chúng kêu lên, “Khẹc! Khẹc! Chí! Chí! Oé! Oé!” báo động cho nhau, rồi rẽ sang hướng khác.

Bất thành linh, từ ống liên hợp của máy truyền tin PRC-25 phát ra tiếng kêu:

“Thái Sơn đây Linh Hồ gọi!”

Trong máy, ai đó tự nhiên xuống giọng ở cuối câu, khiến cho hai tiếng “Linh Hồ” nghe giống như “Linh Hồn”.

“Thái Sơn! Đây Linh Hồn gọi!”

Tôi thót bụng.

Trời đất!

Bộ chỉ huy tiểu đoàn gọi tôi vào đúng lúc tôi đang “lên ruột”.

Những khi tinh thần căng thẳng như thế này mà nghe ba tiếng “Linh Hồn gọi!” thấy ớn quá!

Mấy ông thảo ra đặc lệnh truyền tin không chịu để ý tới ảnh hưởng tâm lý khi người nghe đang ở trong vị thế chuẩn bị đánh nhau.

Sắp sửa đánh nhau, sắp sửa nổ súng, mà nghe “Linh Hồn gọi” thì sợ lắm!

Sao các ông ấy không đặt cho tiểu đoàn tôi cái tên “Giao Linh” hay “Chế Linh” có phải là dễ nghe hơn, đỡ sợ hơn không?

Khi biết người đầu máy bên kia là sĩ quan Ban 3 tiểu đoàn; anh bạn này cùng khóa với tôi; tôi cần nhắc:

– Mày nói với Hoàng Mai bỏ cái tên “Linh Hồ” đi! Tao nghe “Linh Hồ gọi” mà cứ tưởng là “Linh Hồn gọi” tao ón quá! (Hoàng Mai là danh hiệu của ông tiểu đoàn trưởng)

Anh bạn tôi cười hì hì:

– Ừ! Để tao nói với Hoàng Mai cho đổi tên ngay tối nay theo yêu cầu của mày. Còn bây giờ thì nghe đây: Nội nhật ngày mai mày phải có mặt trên Bravo. Mày trễ mất 3 ngày rồi đó!

Tôi nói:

– Yên chí đi! Chiều nay tao sẽ có mặt trên mục tiêu.

– Mày có cần tiền oanh kích thì tao xin cho mày ngay.

– Không cần! Tao biết, chỉ 15, 20 phút sau khi chạm địch, mình đã có Cobra rồi.

Sau khi vượt qua một con suối sâu tới bụng và một cái dốc đứng, chúng tôi đặt chân lên một bình nguyên cỏ tranh. Cuối bãi, dưới dốc là một buôn Thượng đã bỏ hoang nằm bên phải cây cầu gãy trên Liên Tỉnh Lộ 8B.

Từ buôn Thượng này đi theo liên tỉnh lộ chừng 1 cây số nữa về hướng Đông Nam thì tới Bích Khê.

Tôi dàn quân trên cao, sẵn sàng yểm trợ cho Trung đội 2 thám sát cái buôn Thượng.

Sau khi lục soát kỹ buôn Thượng này, tôi cho lệnh Trung đội 2 chốt giữ nơi đó luôn, nhưng tuyệt đối cấm đốt khói và gây tiếng động.

Thành phần còn lại của đại đội lập tức dàn hàng tiền theo trục lộ. Đường Liên Tỉnh 8B đi xuyên qua thôn Bích Khê.

Khi họp hành quân chúng tôi được Ban 2 liên đoàn cho biết, thời Cụ Diệm làng Bích Khê là một khu dinh điền trù phú, nay thì nó đã bị bỏ hoang lâu rồi.

Làng Bích Khê này tọa lạc trên đỉnh một ngọn đồi. Từ đỉnh đồi, tôi có thể nhìn bao quát một vùng xa. Phong cảnh ở đây thật là tuyệt đẹp!

Hướng Đông, con đường đổ xuống một thung lũng rộng; hướng Nam là dốc đứng; hướng Bắc có con suối lớn và sâu bao quanh.



Nhìn con suối xanh biếc chảy xiết trong cái thung lũng cũng là một đồng cỏ xanh bạt ngàn, tôi chợt hiểu, vì sao người ta đặt tên cho cái làng này là “Bích Khê”. Bích Khê có nghĩa là “Suối Biếc”.

Dưới kia, suối biếc bắt nguồn từ một cái hồ ngợp bóng chim đang săn cá. Mặt hồ gợn sóng lăn tăn.

Nhìn qua cấu trúc của làng Bích Khê, tôi đoán chừng xưa kia làng này là một Ấp Chiến Lược 5 cạnh có hàng rào bằng tre đực.

Nay Bích Khê đã thực sự điêu tàn. Di tích văn minh thời Đế Nhất Cộng Hòa còn lại là dăm gốc xoài, gốc ổi bên mấy cái nền nhà cũ.

Không những vườn tược trong thôn đã thành rừng um tùm, trên mặt liên tỉnh lộ cũng đã có nhiều cây loại thân mộc mọc cao.

Đáng ngại nhất là con đường mòn chạy từ Tây Nam lên Đông Bắc, xuyên qua ngay giữa làng. Đường mòn này đang được sử dụng thường xuyên nên cỏ không mọc nổi.

Vô tình, con đường mòn này và đường Liên Tỉnh 8B đã giao nhau, cắt Bích Khê Thôn thành 4 mảnh.

Về hướng Bắc thì con đường đâm xuống suối.

Về hướng Nam, con đường chui vào cái khe giữa hai ngọn đồi có cao độ tương đương với cao độ của làng Bích Khê; hướng Tây của hai ngọn đồi đó là một vùng ao hồ và đầm lầy.

Nhìn địa thế này, tôi chợt nảy ra một ý định mới, thay vì cho đặt một toán tiền đồn báo động trên ngọn đồi hướng Nam, tôi thay bằng một ổ phục kích ngay chân con dốc ngoài rào ấp chiến lược Bích Khê.

3 người được tôi giao trọng trách làm công tác phục kích ngày hôm đó là 3 tay súng cự phách của đại đội: Hạ sĩ 1 Nguyễn Lác, người nấu cơm của Thiếu úy Duyên, cùng 2 anh lính cật ruột của tôi là Hạ sĩ Nguyễn Phương Hoàng và Binh 1 Phạm Công Cường.

Tôi đã đích thân đi cùng 1 tiểu đội hộ tống 3 người này vào vị trí tác chiến xong xuôi rồi chúng tôi mới rút về.

Thế rồi, xế trưa hôm sau súng nổ, và chuyện được 3 anh lính đi phục kích về kể lại...

Địch có khoảng 10 tên. Một khinh binh ôm AK47 đi đầu. Phía dưới dốc, đằng sau nó là một đoàn bộ đội vừa đi vừa trò chuyện râm ran.

Tới đầu dốc, đột nhiên tên khinh binh ngừng lại, dò dẫm từng bước. Rồi nó thận trọng ngồi xuống, giơ tay ra dấu cho toán Việt cộng đi sau đừng vội tiến lên.

Mặt trời mùa này nằm chéch về hướng Tây Nam, tên địch cũng tiến tới từ hướng Tây Nam, mặt trời ở sau lưng nó.

Thằng Việt cộng đi mở đường đã nhìn thấy một sợi dây cước phản chiếu ánh mặt trời, sáng lấp lánh căng ngang đường. Sợi dây cước này nối chốt nổ của 2 cái bẫy sáng do Hạ sĩ Lác đã gài!

Chắc thằng Việt cộng rất ngạc nhiên khi thấy giữa rừng già có một sợi cước câu cá! Chắc nó dừng lại vì nghi ngại trước mặt nó có một cái bẫy mìn hay lựu đạn.

“Đoàng! Đoàng!”

Tên Việt cộng đang lom khom, bị 2 viên đạn bắn vỡ đầu, ngã ngửa về đằng sau.

Những tên đi sau vội ù té chạy.

“Đùng! Đùng! Đùng!”

3 khẩu M16 đua nhau bắn. Góc bắn hơi cao, nên không có tên địch nào chết thêm. Trên đường mòn có 2 cái ba-lô bị rớt lại...

Tôi có sẵn một hỏa tập tiên liệu ngay cái khe giữa hai đỉnh đồi hướng Nam.

Thời gian này đạn được thừa mứa, muốn bắn bao nhiêu cũng có. Một pháo đội Hoa Kỳ nhanh chóng đáp lời tôi yêu cầu, tưới gần 100 trái đạn đại bác 105ly trên tọa độ.

Tôi nghĩ rằng, đang chạy bán sống, bán chết, mà bị một trận mưa pháo đội lên đầu thì những tên giặc dù có thoát chết thì cũng sợ tới ướt quần mất!

Tôi bắt đầu buổi chiều ngày thứ nhì ở Bích Khê bằng một cơn sốt cao.

Trên cái nền nhà cũ, tôi ngồi thu mình trong chiếc poncho line, cả người nóng bừng bừng. Xưa nay tôi cứ cho rằng khi đau đớn mà phát ra tiếng rên thì mắc cỡ lắm. Đau mà rên là hèn, là thỏ đế.

Ngày Mừng 1 Tết Mậu Thân, dù bị Việt cộng bắn lưng ngực, tôi cũng không rên.

Ấy vậy mà hôm nay, tôi giơ cả hai tay bịt miệng, bịt mũi lại, mà vẫn không ngăn được những tiếng “Hừ! Hừ! Hừ!”

Bệnh sốt rét rừng quả là vô cùng lợi hại! Tôi thường tự hào là một tay đi rừng cự phách mà cũng bị mấy con vi trùng nhỏ tí ti, nhỏ hơn cả cái đầu kim, quật ngã phải nằm run bần bật.

Trung đội 3 của Thượng sĩ Lược trấn giữ mặt Bắc, đồng thời chốt ngay đầu cây cầu khi bắc ngang con suối. Mặt trời vừa gác núi thì ông Lược lò dò từ dưới dốc leo lên, tay xách một con cá lóc dài cỡ hai gang tay. Ông ta giao con cá cho Hạ sĩ Thọ, người nấu cơm cho tôi:

– Tụi nó cấm câu được con cá lóc này. Mà đem nấu cháo để Thái Sơn ăn cho đã cảm. Nhớ cho nhiều tiêu vào! Cho ông ăn cháo thật nóng để ra mồ hôi mới bớt được.

Sau khi gắp ăn một bát cháo nóng, tôi trùm thêm cái poncho đi mưa che kín từ đầu tới chân. Chỉ vài phút sau thì cả người tôi ướt đẫm mồ hôi giống như người đang tắm hơi.

Những tưởng mồ hôi thông thương thì bệnh tình của tôi sẽ bớt, nào ngờ vừa lau người xong, tôi bỗng lạnh run; tôi không bị cơn sốt nóng hành hạ nữa, mà ngược lại, tôi khôn khổ vì bị rét.

Y tá Đào của Trung đội 3 mon men tới bên tôi, anh ta rụt rè:

– Thái Sơn bị lòn thuốc ký ninh rồi! “Chích” hoài không khỏi thì Thái Sơn cho em “châm” cho ông thầy, thử xem có khá không nhé!

Tôi thắc mắc:

– Châm là cái gì vậy?

– Dạ! Châm cứu ấy mà! Em biết châm cứu! Để em châm cho Thái Sơn nhé!

Lúc này thì tai tôi đã bị ù, mắt tôi nhìn chỗ nào cũng thấy sao sáng nhấp nháy, chớp chớp. Thôi thì, cũng đành liều... Tôi nằm sấp trên cái poncho, để mặc cho chú Đào tự do thoải mái dùng kim muốn châm chỗ nào thì châm. Tiếp theo màn châm cứu, chú Đào quay qua nghề giác hơi. Sau màn giác hơi là mục xoa dầu Nhị Thiên Đường. Hạ sĩ Đào vận hết sức vào hai bàn tay, vừa xoa vừa véo trên da lưng tôi liên tục. Tôi thấy da lưng mình có vẻ còn dày hơn da trâu! Mặc cho Y tá Đào bầu, véo, vắn vẹo, cách nào tôi cũng không thấy đau. Kỳ diệu thay! Sau khi xoa hết hai chai dầu Nhị Thiên Đường thì tôi... hết sốt rét! Còn anh Y tá Đào thì ngồi phờ người, như đã kiệt lực.

Ông Lược ngồi cạnh Y tá Đào, chợt phát thanh:

– Thằng Đào giỏi quá ta! Nếu biết nó chữa được sốt rét thì Chuẩn úy Biện đâu cần đi nằm nhà thương, tui đâu có phải vất vả chỉ huy trung đội!

Hạ sĩ Thọ cười:

– “Thượng sĩ Tía” nhớ con rể rồi hả?

Nghe Hạ sĩ Thọ chọc quê, ông già cự liên:

– Cái thằng này chỉ hay nói bậy!

Tôi nghe ông Lược mạnh miệng nói vậy nhưng tôi nghĩ rằng, có lẽ lúc này trong lòng ông già cũng đang nhớ người chỉ huy trẻ tuổi của ông lắm.

Chuyện nhớ nhưng này duyên cớ cũng bình thường...

Vào một ngày tháng Sáu vừa qua, có chiếc xe đò chạy đường Sài Gòn Đà Lạt ngừng bên phía đối diện xưởng cưa Đức Trọng. Một cô nữ sinh áo dài trắng, tay xách cái giỏ mây, bước xuống, nhìn trước, nhìn sau, rồi băng qua lộ. Tới vọng gác bên cổng, cô nhỏ nhẹ hỏi 2 ông lính:

– Hai chú làm ơn cho hỏi, có phải Đại Đội 1/11 đóng quân ở đây không?

– Phải! Cô cần gì?

– Dạ! Em muốn gặp ông chỉ huy ở đây để xin phép thăm người nhà.

Anh lính gác gọi lớn:

– Chuẩn úy ơi có người cần gặp!

Trung đội 3 là đơn vị trực gác ngày hôm đó, Chuẩn úy trung đội trưởng Đinh Quang Biện vội chui ra khỏi lều:

– Thưa cô cần gặp ai?

– Dạ! Em muốn gặp “Tía”!

– Để tôi gọi ông ra cho cô nhé!

– Dạ!

Anh sĩ quan trẻ quay mặt về hướng mấy cái bếp lộ thiên đang bốc khói nghi ngút bên rào rồi bắc loa tay gọi:

– Ông Tía ơi! Ông Tía ơi!

Cô bé vội níu tay anh chuẩn úy người Bắc:

– Tía là bố đó! Bố em tên là Lược!

– Vậy là Thượng sĩ Lược! Đại đội này chỉ có một ông tên là Lược!

Lại bắc loa tay:

– Ông Lược ơi! Ra đây ngay! Có người nhà tới thăm!

Thượng sĩ Lược đang ngồi đánh cờ tướng với Hạ sĩ Đào, ông đang ở vào thế hạ phong, nghe tiếng người gọi tên, ông mừng quá, vội vàng xóa bàn cờ đứng lên:

– Chuẩn úy chờ chút! Tôi ra liền!

Y tá Đào cắn nhả:

– Ông già sắp bị chiếu bí rồi! Sao không để xong việc tiếp người nhà, thì mình đánh tiếp, mà lại xóa bàn cờ đi! Bộ ông tính ăn gian sao?

Trưa hôm đó, trong cái nhà kho lớn, có mái lợp tôn, nhưng không có vách, dùng để chứa ván, nơi ông chủ xưởng cửa dành cho gia đình binh sĩ của Đại Đội 1/11 tới thăm chồng con ở nhờ, có 3 người ngồi ăn cơm bên nhau, trông họ giống như gia đình một nhà, gồm ông bố và 2 đứa con, một trai, một gái.

Đại đội tôi thời gian này có 4 sĩ quan, vậy mà ông Thượng sĩ Nguyễn Lược chỉ mời một mình Chuẩn úy Đinh Quang Biện ngồi ăn cơm chung với ái nữ của ông ấy. Thật là chẳng công bằng chút nào!

Cơm nước xong, ông Lược lên ban chỉ huy mời tôi và Thiếu úy Duyên xuống nhà kho uống nước trà và giới thiệu cô con gái của ông:

– Nhỏ này là bé Hai trong nhà tôi. Năm nay nó học Đệ Nhị. Nó nhớ tía quá nên vội chạy lên đây thăm tôi, chiều nó về lại Sài Gòn.

Sau khi rót đầy hai bát trà để trên bàn, cô gái nhỏ nhẹ:

– Cháu mời hai chú uống trà.

Chỉ qua vài phút tiếp xúc, tôi đã nhận ra rằng, cô con gái của ông Lược có thể coi như đại diện cho nét đẹp của gái Hậu Giang. Cô ấy ăn nói thật nhẹ nhàng, và thật dịu dàng. Cô có mái tóc thề ngang vai, đôi mắt nhung huyền. Cô có nụ cười hiền hòa, đôn hậu, trên khuôn mặt trái xoan với làn da trắng hồng đặc biệt của những người con gái xứ Nha Môn.

Vì nghe ông Lược nói rằng cô bé chỉ có vài giờ thăm cha rồi phải về Sài Gòn ngay, nên tôi và anh Duyên giữ ý, chỉ ngồi chơi một lúc cho có lệ, rồi rút lui cho cha con người ta tâm sự với nhau.

Cô nữ sinh con ông trung đội phó Trung đội 3 cứ bịn rịn mãi bên ông bố tới chiều mới chịu lên chuyến xe đò cuối cùng trong ngày để xuôi Nam.

Trước khi lên xe, cô nhắn ông bố:

– Tía cho con gửi lời cảm ơn anh chuẩn úy người Bắc ở cùng trung đội với Tía nhé!  
Trông mặt anh ấy thấy ngồ ngộ quá Tía à!

Từ ấy, ông Thượng sĩ trung đội phó Trung đội 3 mang thêm cái tên phụ là “Thượng sĩ Tía” của Đại Đội 1/11 Biệt Động Quân. Từ ấy trong đơn vị, ông thượng sĩ già được nhiều người thương hơn, nhiều người kính nể hơn, đặc biệt là các chàng trẻ tuổi độc thân.

Tôi nghe anh em bàn tán rằng, người được Thượng sĩ Tía có cảm tình nhất chính là anh chuẩn úy người Bắc mặt trông “ngồ ngộ” tên là Đinh Quang Biện.

Trú quân trong Bích Khê Thôn được 2 ngày thì tôi nhận lệnh chuyển quân sang một bãi đáp khác. Chúng tôi lên tàu ở cuối làng Bích Khê và nhảy xuống một bãi trống cách bến Kinh Đà nửa cây số về hướng Tây.

Kinh Đà là tên Thượng, tên chữ của làng này là Kinh Đức, nơi đây chỉ cách làng Bích Khê hơn 10 cây số. Đại Đội 4 và bộ chỉ huy tiểu đoàn đã xuống bãi này trước tôi nửa giờ. Họ sẽ đóng tại đây giữ lưng cho tôi tiến lên phía trước. Ông tiểu đoàn trưởng trao cho tôi cái phóng đồ mới và lệnh hành quân mới. Đại khái nhiệm vụ của tôi vẫn là tìm và triệt phá các khu sản xuất và trạm giao liên của địch.

Ngay trên bãi đáp là một đường voi thò rộng cỡ 2 thước, dẫu xe đạp chở hàng đèo lên nhau chẳng chịt còn rất mới trên mặt đường. Rời bãi, tôi dẫn quân xuống một cái thông thủy cạn. Theo đường xe thò, chúng tôi tiến về bờ sông. Chúng tôi rời điểm đỗ bộ được một đoạn đường xa chừng 2 cây số thì chợt trước mặt tôi có tiếng gà gáy “Te! Te! Te!”

Thiếu úy Duyên đi sau, vội nhón bước tới, hớn hờ kéo áo tôi:

– Thái Sơn ơi! Có tiếng gà rừng gáy! Anh cho phép tôi bắn một con làm nồi cháo nghen!

Tôi lác đầu:

– Khoan đã! Gà rừng gáy thì mình chỉ nghe “Te! Te!” ngán ngùn thôi! Còn tiếng gáy của đàn gà này vừa thanh, vừa cao, vừa dài, chắc là gà nhà, gà nuôi, không phải gà rừng. Tôi ra lệnh cho đơn vị ngừng lại, bố trí hai bên đường chờ. Một toán thám sát được gửi lên phía trước, toán phát giác bên trái đường có một khu vườn, với hai ba mái tranh và một sân đất rộng.

Nhiệm vụ tấn kích được giao cho Thiếu úy Duyên và Trung đội 1.

“Đùng! Đùng! Đùng!” – “Đoàng! Đoàng! Đoàng!” Hơn 20 tay súng dàn hàng ngang vừa bắn vừa phóng vào sân cỏ.

7, 8 cán binh Việt cộng từ trong căn nhà tranh lớn nhất chạy ra, 4 tên bị hạ, một tên nhanh chân phóng qua đường xe be rồi nhảy ùm xuống sông, những tên còn lại lao vào rừng, biến mất.

Căn nhà tranh này là khu nhà bếp và nhà ăn tập thể. Giờ này bọn chúng đang quây quần chuẩn bị ăn cơm trưa nên cổng trước, cổng sau không có người canh gác. Đàn gà đang ăn trong sân vung cánh bay loạn xạ, cùng với tiếng gà kêu “Quang quác!” Trong rừng hình như có tiếng “Éc! Éc!” của mấy con heo đang cắm đầu chạy trốn.

Chiến lợi phẩm tịch thu được hôm đó là 3 khẩu súng trường Mas 36, 4 khẩu AK 47 cùng 5,6 quả lựu đạn chày. Ngoài ra chúng tôi còn nhặt được một quyển sổ ghi số lượng chi thu lúa gạo, đạn dược của huyện đội Di Linh Việt cộng. Toán quân xung phong cũng hạ được 9, 10 con gà. Thượng sĩ Ngọ dành cho tôi và Thiếu úy Duyên con gà trống to nhất.

Tôi báo cáo cho tiểu đoàn biết kết quả cuộc tấn kích, đồng thời đề nghị tiểu đoàn chấp thuận cho đại đội tôi ngủ qua đêm tại đây sau khi mở rộng vùng kiểm soát để truy kích những tên địch đang đào thoát.

Chưa tới nửa giờ sau, qua máy vô tuyến tôi đã nhận được lời nhắn: “Bạch Mai gửi lời khen ngợi Thái Sơn và các anh em chiến sĩ thuộc Đại Đội 1/11” (Bạch Mai: Trung tá liên đoàn trưởng).

Để đề phòng những tên địch sống sót có thể quay về dò thám tình hình, tôi cho các trung đội luân phiên tuần tra vòng quanh khu vực một cách liên tục từ trưa cho tới chiều. Tối chiều, tôi cho đóng 5 cái chốt chặn với bẫy sáng và lựu đạn gài đầy đủ để bảo đảm an ninh cho vị trí đóng quân đêm của đơn vị. Nắng chiều xé tà, mấy con gà mon men về sân. Chưa có lệnh của tôi, không ai dám bắn chúng.

Thượng sĩ Ngọ đề nghị với tôi:



– Thái Sơn đừng cho ai bán. Cứ để đó, tối nay tôi sẽ bắt hết tụi gà này!

Sau đó ông Ngọ xúc 2, 3 ca thóc trong kho của địch ra, rồi vãi thóc đầy sân. Đàn gà ngây thơ, vô tội “Cục! Cục! Cục!” lớn tiếng gọi nhau về tụ họp trong vườn. Anh chàng Hạ sĩ 1 Lác tìm được hũ rượu mà tụi cán binh đang ủ, anh ta lôi ra chắt hết rượu vào cái nón sắt, sau đó anh đem bỏng rượu (bã rượu) đổ vào cái nồi nấu cám heo. Lác cho thêm vào nồi 2 gói cơm sấy và một rễ thân cây chuối xắt lát rồi nổi lửa, hì hục nấu cám heo. Cám heo được đổ vào cái máng đan bằng tre để trong chuồng. Mùi cám heo bốc lên thơm lừng bay trong rừng. 2 con heo đánh hơi thấy mùi cám nóng thì ủ ủ rủ nhau về chuồng.

Thế rồi đêm đen buông xuống, cùng với tiếng heo kêu, rồi tiếng gà kêu. Không rõ ông Ngọ và anh Lác làm cách gì mà bắt gà, bắt heo, gọn gàng, nhanh nhẹn thế! Hai con heo to bị trói nằm trên sàn bếp kêu “Eng éc!” Gần 20 con gà vừa trống vừa mái cũng bị trói chặt nằm bên nhau, con này chúi đầu vào dưới cánh của con kia rồi há mỏ, “Ừ! Ừ! Ừ!” chờ người ta cắt cổ.

Vài phút sau thì 2 bó đuốc bằng nửa khô được đốt lên giữa sân cỏ soi sáng liên tục. Trong bếp có tiếng mài dao, rồi có tiếng heo rít lên, “É! É! É” thật là thảm thiết vì bị thọc huyết; những con gà thì chết nhanh hơn và âm thầm hơn. Chưa tới 10 khuya thì các trung đội đã chia nhau đồng đều số gà và những miếng thịt heo. Tôi nói Thiếu úy Duyên dành ra một cái đùi heo tặng ông tiểu đoàn trưởng, và một con gà trống đã làm lông sạch sẽ để dành cho thằng bạn cùng khóa của tôi đang là sĩ quan Ban 3 của tiểu đoàn.

Đúng là “Buồn ngủ mà gặp chiếu manh!” Còn 2 ngày nữa mới tới kỳ tái tiếp tế, chúng tôi đã hết đồ ăn, hết thuốc lá. Cái nông trại này của Việt cộng có đủ cả, gạo lức, heo, gà, chuối, ổi, ớt và rau cỏ, lại thêm 3, 4 giàn treo thuốc lá phơi khô trên nóc bếp.

Sau này, nhân lúc rảnh rồi tôi có thắc mắc hỏi ông Thượng sĩ Ngọ:

– Bác có bí quyết gì bắt heo, bắt gà, mà chúng nó không kêu?

Tôi ngần người, ngạc nhiên khi nghe ông Ngọ tình thực trả lời:

– Nào có gì khó đâu Trung úy! Ban đêm, chỉ cần một cục mắ môm hay mắ ruốc to bằng đầu ngón chân cái, bóp nát ra, thêm chút nước, rồi xoa mắ cho kín hai bàn tay tới khuỷu tay là mấy con gà, con heo không đánh hơi được mình, mình nắm cẳng, nắm cổ nó là xong. Ông Ngọ còn cho tôi hay, nếu dùng mắ môm, mắ ruốc trải trên đường, ta có thể làm cho những con chó săn mất thính giác để theo dõi. Nghe xong tôi cũng tin, nhưng chưa có dịp nào thí nghiệm xem kết quả thực tế sẽ như thế nào. Gần trưa hôm sau chúng tôi lại lên đường, sau khi cho người đem “quà tặng” cho Hoàng Mai và Thẩm Quyền 12,



tức là anh sĩ quan Ban 3 tiểu đoàn. Nhận được con gà trống và cái đùi heo, ông tiểu đoàn trưởng và anh sĩ quan Ban 3 cảm ơn rối rít.

50 năm sau, người nhận được con gà đang cư ngụ ở Massachusetts, USA, còn nhớ chuyện này, còn người nhận được cái đùi heo, đang ở California, USA thì quên mất rồi!

Thiếu úy Duyên và Trung đội 1 làm công tác đoạn hậu, có nhiệm vụ đốt trụ 3 cái nhà tranh của toán dân quân tăng gia sản xuất Việt cộng trước khi rời vị trí. Chúng tôi vẫn đi theo đường xe thô cạp bờ sông. Bên phải đường là dòng nước đục ngầu, bên trái đường là rừng tre rậm rạp. Thêm 2 cây số về hướng Tây Nam, tới chỗ ghềnh đá, nước chảy xiết, sùi bọt trắng xóa, khoảng cách giữa đôi bờ bị hẹp lại thì xuất hiện một cái cầu treo. Cầu có 4 dây bện bằng mây. Cầu được cột chặt vào thân 4 cây cổ thụ loại gỗ mộc nơi hai bờ. Sàn cầu được đan bằng nẹp tre đục, nên rất vững chắc, xe đạp thô có thể qua cầu không khó khăn.

Tôi tính ra lệnh chặt dây cầu, xong kịp nghĩ lại:

“Mình cứ phục ở đây. Biết đâu lại gặp món hời!”

Ngay lập tức tôi cho chốt chặn hai đầu trục tiến quân. Sau đó tôi đặt một khẩu đại liên M60 đạn lên nòng sẵn sàng, nhắm ngay giữa lòng cầu; bất cứ ai bước lên sàn cầu chắc chắn sẽ chết. Gần 3 giờ chiều, tôi nghe bờ đối diện có tiếng tù và, “Ù! U! Ù! U!...” cùng bóng người ẩn hiện. Không biết trả lời cách nào, tôi đành ra dấu cho anh em ngồi im. 5 phút sau, có lẽ không nghe bờ bên này đáp trả, bờ bên kia lại phát ra 3 tiếng súng, “Tóc! Tóc! Tóc!”

Chúng tôi vẫn ngồi im.

Hình như bên kia suối có người bắt đầu đi lên cầu. Có bóng một người, rồi 2, rồi 3... Phút sau chúng tôi nhìn thấy rõ, 3 người đi đầu mặc đồ xanh bộ đội, thủ súng ngang hông. Theo sau 3 tên bộ đội một quãng là một chiếc xe đạp thô chất hàng cao nghệu, với một người dắt đằng trước và một người đẩy đằng sau. Sau lưng chiếc xe thô còn 2 người súng vác vai. Khi đoàn người tới đoạn giữa của cây cầu, sức nặng và gió lộng khiến cho cây cầu chao qua chao lại giống như con đò gặp sóng trên sông.

Tôi vỗ tay vào nón sắt của Hạ sĩ Lưu Sanh ra hiệu khai hỏa, “Cành! Cành! Cành!” Những khẩu M16 của tiểu đội cận vệ đại đội trưởng cũng “Đùng! Đùng! Đùng!” bắn tiếp tay. Tất cả cán binh đang di chuyển trên sàn cầu đều trúng đạn gục xuống, chắc chắn có vài tên đã bị bắn xuyên tảo. Không lâu sau từ bờ bên kia có nhiều tràng AK bắn trả lại. Một hỏa tập pháo binh đã sẵn sàng bắn phủ trùm khu rừng sát đầu cầu, bên kia sông.

Tôi gọi ông Thượng sĩ thường vụ đại đội lên, giao việc cho ông ấy nhanh chóng chặt đứt 4 sợi dây cầu. Chỉ một phút sau, một đầu cầu rớt xuống lòng thác cuộn cuộn. Những vật

nặng trên mặt cầu lập tức bị nước cuốn đi. Cây cầu cứ tung tung nhảy trên mặt sóng rồi đập vào ghềnh đá. Mặt trời lặn xuống từ từ...

Sáng ngày thứ mười của cuộc hành quân, tôi nhận lệnh tìm bãi để trực thăng Hoa Kỳ sẽ tới bốc đại đội tôi về Di Linh. Chúng tôi ngồi chờ dài người tới trưa mới nghe tiếng máy bay “Bạch! Bạch! Bạch!”

Trên máy truyền tin là giọng một người lạ:

– Thái Sơn đây Phong Vũ.

– Thái Sơn nghe! Phong Vũ là ai vậy?

– Vũ Bình Chính đây! Có lệnh của Bạch Mai cho cả gia đình bạn nhô neo về sân vận động Di Linh nhận tái tiếp tế rồi ứng chiến tại đó!

Thì ra người vừa gọi tôi là Trung úy Vũ Bình Chính. Anh Chính là bạn cùng Khóa 20 Võ Bị của tôi, anh ta mới đáo nhậm liên đoàn, giữ chức sĩ quan không trợ. Chừng 10 phút sau, một hợp đoàn trực thăng Mỹ tới bốc chúng tôi rời vùng. Tôi đi trên chiếc trực thăng chót, với toán lính sau cùng.

Vừa đạp chân xuống đất Di Linh, tôi lại nghe:

– Thái Sơn chờ trên bãi, tôi sẽ đón bạn đi gặp Bạch Mai ngay.

Tôi chưa kịp dặn dò Thiếu úy Duyên những công việc cần phải làm thì chiếc C&C đã đáp; tôi leo lên; con tàu bay ngược vào rừng. Thì ra bộ chỉ huy liên đoàn cũng đang ở trong rừng, nhưng đóng quân với một pháo đội Hoa Kỳ trên ngọn đồi nhỏ nằm sát Tỉnh Lộ 8B. Nơi đây cách xa bến phà Kinh Đà chừng 4 cây số.

Vì tiếng động cơ máy bay rất ồn nên Chính phải ghé sát tai tôi:

– Không Kỳ Hoa Kỳ vừa bốc được 2 thẳng lính đi lạc của bạn rồi thả ở căn cứ hỏa lực. Bạch Mai muốn bạn về xác nhận xem có phải tụi nó là người của Đại Đội 1/11 không?

Tôi thắc mắc:

– Không Kỳ vớt được tụi nó lúc nào vậy?

– Mờ sáng ngày hôm nay Không Kỳ Mỹ bay qua vị trí mà đại đội của Long đáp xuống mấy hôm trước thì phát hiện dấu hiệu S.O.S vẽ trên cát, đồng thời có 2 người quơ tay cầu cứu. Họ đã liên lạc với ban Cố Vấn của liên đoàn. Cố Vấn liên đoàn xác nhận rằng mình

có 2 người lính bị thất lạc mấy ngày nay, nên họ xuống bốc 2 tên đó về căn cứ pháo binh, giao cho Ban An Ninh.

Xuống máy bay tôi thấy giữa sân cỏ, có 2 người cởi trần, trên thân chỉ có cái quần đùi, ngồi chồm hồm trên nền đất. 2 người này bị bịt mắt bằng vuông vải đen, hai tay bị trói quặt đằng sau.

Chính đưa tay ra dấu cho tôi đừng lên tiếng, rồi ghé tai tôi:

– Có phải 2 thằng này là lính của Long không?

Vừa nhìn thoáng qua, tôi đã nhận ra, 2 người trước mắt tôi chính là Binh 2 Phan Đông và Binh 2 Lê Văn Hậu. Thằng Hậu thì lùn nhưng tròn quay, còn thằng Đông lại vừa cao vừa gầy. Thằng Đông cao nhứt Trung đội 3, mỗi khi tập hợp nó đều đứng ở đầu hàng, ngày nào mà tôi không thấy nó! Vì thế, không cần phải tháo cái khăn đen bịt mắt thằng Đông ra, tôi vẫn hình dung được một cái sẹo màu đen to bằng ngón tay cái nhìn giống như một miếng vá nằm ngay dưới con mắt trái của nó. Vết sẹo này nếu ai đã thấy một lần rồi thì sẽ khó quên.

Tôi gật đầu, rồi hỏi:

– Vậy mình phải làm thủ tục gì để nhận chúng nó về lại đơn vị?

– Long vào gặp Trung tá thì biết! An Ninh đã thẩm vấn 2 thằng này rồi! Có một thằng là Việt cộng!

Dứt lời, Chính kéo tôi vào lều hành quân. Trung tá Bùi Văn Sâm liên đoàn trưởng đang ngồi chờ tôi:

– Ông Long xem bản cung từ của An Ninh đi! Mấy cái Trung Tâm Tuyên Mộ Nhập Ngũ làm ăn tác trách quá! Bổ sung cả cán bộ Việt cộng cho mình. Nếu đơn vị nào cũng làm việc ỡm ờ vô trách nhiệm như thế, thì theo cái đà này sớm muộn gì mình cũng mất nước thôi!

Trung tá Sâm vừa dứt lời, Thượng sĩ Mân, hạ sĩ quan An Ninh liên đoàn liền trao cho tôi một xấp giấy viết tay; đây là cung từ sơ khởi ghi lời khai của 2 anh lính đào ngũ.

Trong hồ sơ của Binh 2 Phan Đông, tôi đọc được:

*Họ và tên: Phan Đông*

*Năm sinh: 1950*

*Họ và tên cha: Vô danh*

*Họ và tên mẹ: Phan Thị Quý*

*Quê quán: Tân Uyên, Biên Hòa*

*Đảng phái: Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*

*Tham gia: 1965 (15 tuổi)*

*Vai trò phụ trách: Ủy viên thanh niên học sinh Biên Hòa.*

Trong một cuộc hành quân cảnh sát sau Tết Mậu Thân, tên Phan Đông bị Tuần Cảnh Hỗn Hợp Quân Trấn Biên Hòa bắt đưa vào Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ rồi chuyển sang Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ. Đầu tháng 6 năm 1968 đương sự được bổ sung cho Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân.

Hai lần mưu toan đào ngũ, bất thành.

Tháng Sáu năm 1968, chỉ 2 ngày sau khi đáo nhậm đơn vị, Đông đã đeo theo sau chiếc xe đồ Blao, Định Quán định trốn thì bị Quân Cảnh Lâm Đồng bắt nhốt một tuần rồi trao trả cho Biệt Động Quân. Sau ngày lãnh lương cuối tháng Bảy, Phan Đông đã dụ dỗ được Binh 2 Lê Văn Hậu cùng bỏ đơn vị ra đi từ Đức Trọng, Đà Lạt nhưng bị bạn bè phát giác phải bỏ cuộc.

Lần này, là lần thứ ba, Phan Đông đã cùng Lê Văn Hậu đem theo vũ khí cá nhân và 10 ngày lương khô, đào ngũ tại mặt trận. Cả 2 tên này dự trữ sẽ men theo bờ sông Đồng Nai Thượng (Da Dung) xuôi Nam, về Chiến Khu D.

Ngay buổi chiều, sau khi rời bãi trực thăng, 2 tên đào ngũ đã rơi vào tay 1 đơn vị tăng gia sản xuất của Việt cộng. Đơn vị Việt cộng này không có phương tiện vô tuyến truyền tin, nên lưu giữ chúng dưới hình thức giam lỏng.

Nương theo tin tức của Đông và Hậu cung cấp, Việt cộng đã dùng quân phục rằn ri của 2 đào binh này để giả trang, rồi tập kích các đơn vị Biệt Động Quân đang có mặt trong vùng. Sau khi 2 cán binh Việt cộng giả dạng Biệt Động Quân bị giết thì Đông và Hậu bị cùm, kiên giam trong hầm, chờ huyện đội Di Linh của Cộng sản xử trí. Rồi huyện đội ra chỉ thị cho phép 2 tên lính đào ngũ này sung vào đội tăng gia sản xuất của địa phương.

Tên Phan Đông nại có mình là cán bộ trí vận của tỉnh Đồng Nai, không chịu ở lại xứ này, y cứ nài nỉ xin huyện đội Di Linh cho người hộ tống y xuôi Nam. Cũng trong thời gian này, Binh 2 Lê Văn Hậu khóc lóc suốt ngày, luôn mồm chửi bới tên Đông đã rủ rê y vào con đường chết.

8 ngày sau, Đông và Hậu bị Việt cộng bắt cởi bỏ hết y phục, trên thân chỉ còn cái quần đùi, rồi bị bịt mắt dẫn ra bờ sông bỏ lại với lời dặn: “Cứ theo dấu giày mà tìm về với đơn vị của chúng mày!”

Sáng ngày thứ 10 của cuộc hành quân thì Đông và Hậu được Không Kỵ Hoa Kỳ cứu sống.

Khi bị nhân viên An Ninh liên đoàn hỏi rằng:

“Có phải anh nhận lệnh của Việt cộng trở về đơn vị tiếp tục làm nội tuyến hay không?”

Thì Phan Đông đã chối đây đây:

“Dạ không! Em còn mẹ già ở dưới quê. Quê em là vùng mất an ninh nên em mới tham gia Mặt Trận Giải Phóng. Từ khi đi lính em căm thù Việt cộng lắm. Em không thèm nghe lời dụ dỗ của chúng nó nữa đâu.”

Cung từ của Binh 2 Lê Văn Hậu không có gì đáng nghi. Đương sự thuần túy là một học sinh ngây thơ bị bắt đi quân dịch xa nhà. Cũng vì quá ngây thơ, quá nhớ nhà, Hậu đã nghe theo lời rủ rê của Đông mà đào ngũ. Hậu cũng tiết lộ rằng trong thời gian bị Việt cộng giam giữ, nó thường nghe thằng Đông và bọn cán binh gọi nhau là “Đông chí”. Nó khai thêm, trước lúc bị bịt mắt dẫn đi, nó còn thấy thằng Đông ngồi bàn chuyện riêng với tên chỉ huy Việt cộng một thời gian khá lâu.

Ban An Ninh liên đoàn đề nghị giải giao Phan Đông và Lê Văn Hậu cho Ty An Ninh Quân Đội Tuyên Đức hay Lâm Đồng để có biện pháp thích nghi.

Với tư cách là cấp chỉ huy trực tiếp của 2 phạm nhân, tôi phải ký giấy xác nhận tình trạng vi phạm của 2 tên này. Đồng thời tôi phải cho ý kiến đề nghị giải giao chúng cho cơ quan hữu trách.

Chờ tôi xem xong xấp giấy ghi khẩu cung của 2 tên đào ngũ và ký tên xác nhận, Trung tá Sâm kéo tay tôi ra sân, hướng về phía 2 tên đào binh đang bị trói. Nghe tiếng chân người đi tới gần, 2 tên bị bịt mắt vội ngửa mặt lên nghe ngóng, đợi chờ.

Tôi nói:

– Trung tá để tôi cởi trói và mở khăn che mắt cho chúng nó nhe!

Trung tá Sâm xua tay:

– Khỏi! Ông chỉ cho tôi, thằng nào là thằng Đông?

Tôi đưa tay chỉ tên đào binh cao và gầy:

– Thằng ngồi bên phải, cao và gầy là Phan Đông.

Trung tá Sâm chống hai tay vào cạnh sườn, đôi mắt lờ lờ, từ từ đi một vòng xung quanh, nghiêng người dòm vào mặt 2 kẻ phạm tội. Rồi bất thành linh ông dừng lại, co chân đá tới tấp vào mặt Phan Đông:

– “Đủ mẽ” đồ ăn cơm Quốc Gia, thờ ma Cộng sản!

Tôi thấy máu miệng, máu mũi của Phan Đông phun ra ào ào, y ú ớ:

– Trung tá tha cho em! Em trót dại! Lần sau em không dám làm thế nữa!

“Bịch! Bịch! Bịch!” vừa tiếp tục đá vào đầu, vào mặt, vào ngực Phan Đông, ông Sâm vừa nghiến răng:

– Lần sau à? Mi còn muốn có lần sau nữa à?

Thấy ông liên đoàn trưởng xuống tay quá nặng, tôi vội can ngăn:

– Thôi! Kệ cha nó Trung tá! Nó ngu xuẩn đi theo giặc thì cứ để cho nó chết. Theo đúng quân luật thì tội đào ngũ trước địch quân của nó phải bị xử tử hình. Mình cứ giải giao nó cho An Ninh Quân Đội là xong.

Ngồi bên Phan Đông, Binh 2 Lê Văn Hậu run lên như cây sậy:

– Trung tá đừng đánh em! Tại thằng Đông nó rủ rê em, em mới đi trốn! Trung tá đừng đánh em! Em biết lỗi của em rồi!

Tôi nghĩ bụng:

“Cái thằng Hậu này đúng là quá khù khờ! Ông Trung tá đang xả cơn giận lên đầu thằng Đông, tự nhiên nó lên tiếng, không khác gì mời ông ta quất cho một trận!”

Quả nhiên, mũi giày của ông liên đoàn trưởng liền quay qua, nện một cú móc ngay hàm anh lính ngố!

– Mày là thứ đồ ngu! Mày là thứ đồ đàn!

Bị hai cú đá như trời giáng, “thằng ngu” cảm hợm luôn! Nó sợ rồi! Không dám khóc! Nó biết, nếu khóc sẽ làm cho ông liên đoàn trưởng thêm giận, nó sẽ lãnh đòn nữa.

Hình như sau khi vận lực tung mấy cú đá vào mặt 2 tên “ăn cơm Quốc Gia, thờ ma Cộng sản” ông liên đoàn trưởng Biệt Động Quân đã nguôi ngoai cơn giận. Ông kéo tay tôi đi về cuối bãi:

– Phải công nhận! Ông thật là cao số! Nếu 2 đưa nó mà lựa lúc ban đêm mọi người ơ hờ, hè vô trời ông lại, bắt ông ra lệnh cho cả đại đội nộp súng đầu hàng thì đại họa! Một là mình ông chết, hai là cả trăm người thành tù binh! Hên lắm rồi! Hết kỳ hành quân này ông nhớ ăn chay ít lâu để tạ ơn Trời Phật!

Nghe ông Sâm nói, tôi cũng rùng mình, tán đồng:

– Đúng rồi! Tôi phải cảm ơn Trời Phật!

Ông Trung sĩ thông dịch viên chui ra khỏi lều truyền tin, đảo đạc một lúc, rồi chạy tới:

– Trình Trung tá! 10 phút nữa có trực thăng đưa Trung úy Long về Di Linh và đưa 2 đào binh về Đà Lạt.

Chúng tôi trở lại lều. Trung tá Sâm nhắc nhở Thượng sĩ Mân:

– Từ đây về tới ty An Ninh Quân Đội, dọc đường, ông nhớ cẩn thận, coi chừng tụi nó giựt súng rồi bỏ chạy đó!

Sau khi chào từ biệt Trung tá liên đoàn trưởng, tôi ghé Ban 4 liên đoàn, xin được 2 bộ quần áo cũ để cho Đông và Hậu. Dưới họng súng canh gác của một người lính, 2 đào binh nhanh chóng khoác vào người bộ quần áo hoa đã cũ. Sau đó Thượng sĩ Mân mở ba-lô lấy ra một cái còng số 8 móc một đầu vào cổ tay phải của Phan Đông, đầu kia móc vào cổ tay trái của Lê Văn Hậu.

Trong thời gian gần 20 phút chờ máy bay, B2 Lê Văn Hậu cứ nhìn tôi rồi khóc rầm rức.

– Thái Sơn tha lỗi cho em! Trung úy tha lỗi cho em!

Bên cạnh đó, Binh 2 Phan Đông ngồi cúi đầu, một tay bịt miệng, không nói tiếng nào, miệng nó còn ra máu. Leo lên tàu, tôi chợt thấy mắt của Phan Đông long lên sòng sọc. Ánh mắt của nó như chứa đựng điều gì đó dị kỳ, bí hiểm. Thay vì ngồi xếp xuống sàn tàu, Đông lại ngồi một chân co, một chân duỗi như thủ thế. Tôi nghĩ tới trường hợp nó nổi cơn điên vào lúc máy bay đã lên cao thì nó có thể kéo theo một hai người cùng lao ra khỏi cửa máy bay để chết chung! Tôi vội ra lệnh cho Thượng sĩ Mân lấy thêm một cái còng số 8 thứ hai, móc tay trái của Phan Đông vào cái khoen tròn kim loại trên sàn máy bay, khiến cho tên đào binh này hết cơ hội manh động.

Sau ngày ấy, chuyện 2 tên đào binh của Đại Đội 1/11 cũng đi vào lãng quên. Cho tới một ngày cuối năm 1973, tôi ghé Quận Thanh An để thu hồi một toán Viễn Thám trở về từ núi Chi Kara. Thanh An là nơi Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân đặt Bộ Chỉ Huy Nhẹ.



Giữa sân Quận Thanh An, tôi đang đứng nói chuyện với Trung tá Hoàng Thọ Nhu, liên đoàn trưởng, thì ông liên đoàn phó xuất hiện:

– Long có thằng đàn em nào mới từ quân lao mãn án, ra Biệt Động Quân không?

Nghe Trung tá Lê Quý Dậu, liên đoàn phó hỏi, tôi ngạc nhiên:

– Tôi chẳng quen ai đang bị tù cả. Chắc có người lầm tôi với ông Long nào đó chẳng?

Ông Dậu gọi 1 hạ sĩ quan đứng gần đấy:

– Mày đi tìm thằng Hậu lên đây!

Anh Trung sĩ Ban 3 liên đoàn chạy đi, lúc anh ta quay lại thì sau lưng anh ta là một người lính. Bất ngờ bị áp tải lên trình diện 2 ông tá chánh và phó của liên đoàn cùng một người lạ, anh lính vừa tới có vẻ lo lắng lắm. Anh ta đứng trong thế nghiêm, hai chân run run:

– Trung tá gọi em làm chi vậy? Em đang nấu cơm.

Trung tá Dậu chỉ vào anh ta rồi hỏi tôi:

– Thằng này mới được bổ sung tháng trước, nó nói nó là đồ đệ của Long, mình giữ nó lại làm “tà lọt” nấu cơm. Long có nhận ra nó không?

Trước mặt tôi là một anh lính trẻ, nhìn mặt anh, tôi thấy hình như tôi đã gặp anh ta ở đâu đó rồi.

Chắc anh lính đã nhận ra tôi là người mà anh ta biết, nên nhào tới nắm chặt hai cổ tay tôi.

– Trung úy ơi! Hậu đây! Hậu đây Trung úy! Ngày đó em có lỗi với Trung úy! Em xin lỗi Trung úy! Hu! Hu! Hu!...

Như một đứa bé, người trẻ tuổi khóc thật hồn nhiên. Tôi cũng nhìn ra, trước mặt tôi là tân binh Lê Văn Hậu ở Trung đội 3 Đại Đội 1 của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân năm nào.

Ông Dậu nhắc nhở:

– É! Hậu! Ông Long là thiếu tá! Không phải là trung úy! Mày phải kêu ông ấy là thiếu tá!

Hậu vẫn không buông tay tôi ra, nó sụt sùi:

– Trung úy ơi! Ông thầy ơi! Ông thầy tha lỗi cho em! Ông thầy ơi! Hu! Hu! Hu!...



Tôi gỡ tay Hậu ra, rồi ôn tồn:

– Ngày đó chuyện diễn tiến ra sao? Thăng Đông đâu?

– Trình Trung úy, sau khi ra tòa, em bị kê án 3 năm tù về tội đào ngũ, còn thằng Đông bị đưa ra Phú Quốc nhốt chung với tù Phiến Cộng. Ông thầy hiện giờ ở tiểu đoàn nào? Ông thầy xin cho em về ở với ông thầy có được không?

Tôi hỏi tiếp:

– Thế ngày đó Hậu có biết thằng Đông là Việt cộng không?

– Dạ không! Nó thấy em nhớ nhà, nó cứ rủ em đi trốn...

Thấy anh lính khờ khạo, cả tin ngày xưa đang có chỗ dựa là ông trung tá liên đoàn phó, nên trước khi rời Thanh An, tôi nói với Hậu:

– Hậu cứ ở yên đây với Trung tá Đậu! Khi nào có dịp, anh sẽ đem chú về với anh.

Miệng tôi tuy nói thế, nhưng trong lòng tôi thì nghĩ khác:

“Hậu ơi! Anh đã thấy rồi! Lòng trung thành của em giống như con vụn. Nó cứ xoay tròn liên miên. Nếu Trung úy đem em về ở với Trung úy thì chắc chắn một ngày nào đó em sẽ nghe theo lời rủ rê ngon ngọt của một thằng bạn mới quen, em sẽ cùng với nó trối Trung úy lại rồi đem anh giao cho Việt cộng mất thôi!”

Trung tá Đậu hất tay ra lệnh cho Binh 2 Hậu rút lui rồi hỏi nhỏ tôi:

– Theo ý Long thì thằng này có dùng được không?

Tôi trả lời:

– Nếu ông không sợ nó phản thì cứ thử!

Ít lâu sau tôi nhận lệnh vào Pleime chỉ huy Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tôi nhận được một tờ đơn viết tay có chữ ký của Binh 2 Lê Văn Hậu tình nguyện xin về phục vụ tiểu đoàn này. Dù đang cần người bổ sung, tôi vẫn phê hai chữ “Không nhận” trên cái đơn. Đầu tháng Ba năm 1975, Binh 2 Lê Văn Hậu còn ở với Trung tá Lê Quý Đậu, Liên đoàn trưởng Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân. Sau khi Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân tan hàng ở Ban Mê Thuột, không biết số phận Binh 2 Lê Văn Hậu ra sao. Thời gian này tôi đang trấn giữ vùng biên giới Quảng Đức và Cambodia. Giữa tháng Ba năm 1975 Quân Đoàn II tháo chạy khỏi Vùng 2. Cuối tháng Ba năm 1975 tôi phải ngậm ngùi dẫn

quân vượt sông Da Dung, bỏ lại sau lưng một trận địa mà tôi đã trải qua 10 năm dài chinh chiến.



### *Chuyện nơi cuối sông Đồng Nai...*

Trong danh sách những tù cải tạo được tha năm 1988 có tên tôi.

Sau đợt tha này, toàn cõi Việt Nam chỉ còn hơn 100 người tù cuối cùng tập trung về Trại Z30 D là nơi tôi vừa giã tù.

Về tới nhà hôm trước, hôm sau vợ tôi ra điều kiện:

“3 ngày đầu mình không được đi chơi nhậu nhẹt với bà con, cô bác, bạn bè. Mình chỉ được ăn đậu xanh nấu với tỏi để xổ độc. Sau đó phải ăn đồ nhẹ, không dầu mỡ. Hết một tuần mới được ăn uống bình thường.”

Có lẽ vì tôi nhất mực tuân lệnh vợ, giữ miệng, kiêng khem, nên sau này tôi không bị “bệnh hậu cải tạo” hành hạ xác thân như nhiều anh bạn khác.

Sau 13 năm dài làm việc quần quật để nuôi 4 đứa con nhỏ ăn học, lại thêm gánh nặng thăm nuôi chồng bị giam giữ tù đầy, vợ tôi hầu như đã kiệt sức mất rồi.

Tôi về được ít lâu thì vợ tôi ngã bệnh, không còn hành nghề thợ may được nữa, thu nhập của gia đình tôi chỉ trông vào mấy chỉ vàng do công dạy mấy đứa bé gái đang học nghề thợ may.

Từ ấy, tôi phải thay nạng, chen chân vào đời kiếm cơm, kiếm gạo, nuôi vợ, nuôi con. Bất cứ chỗ nào đánh tiếng thuê người giúp việc tôi đều tìm tới. Tới đâu người ta cũng bắt tôi xuất trình giấy tờ chứng minh lý lịch.

Trong nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thì tôi chỉ có một tờ giấy tùy thân, đó là cái Giấy Ra Trại có con dấu đỏ của Trại Cải Tạo Z30 D Hàm Tân Thuận Hải. Nhưng cái giấy ra trại này chẳng giúp ích gì cho tôi khi đi xin việc cả. Xuất trình nó ra, có khi còn mang họa, vì ngay dưới cái tên tôi, là những hàng chữ ghi rành rành thế này:

Bị bắt ngày: 11 tháng 5 năm 1975.

Can tội: Thiếu tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân.

Án phạt: Tập trung cải tạo.

Mãi tới ngày có cái Chứng Minh Nhân Dân tôi mới thấy dễ tìm việc làm hơn. Tôi đã làm nhiều việc, nhưng việc gì cũng là tạm bợ, chẳng có công việc gì kéo dài được lâu. Tối ngày có anh Lê là người quen từ thời gia đình tôi còn ở Hội An tới thăm, biết tình trạng làm ăn thất thường của tôi, anh có ý kiến:

– Thời buổi này muốn sống phải có vốn, cậu không có vốn thì chịu khó lên rừng làm gỗ, làm nương.

Tôi nói:

– Làm gỗ nguy hiểm lắm, vừa sợ bị cây đè, sợ muỗi vắt, rắn rết, còn sợ bị chủ quyết tiền công. Tôi mới bỏ nghề giữ lô của một xưởng cưa trên Đà Lạt về đây.

– Cậu có biết trồng mì không?

– Úi da! 13 năm học tập cải tạo tôi chỉ học được có một cái nghề trồng mì, trồng bắp, tôi trồng mì giỏi lắm!

– Vậy thì cậu Long lên Trị An làm rẫy đi! Đạo này tụi Tàu Chợ Lớn đang đẩy mạnh phong trào sản xuất mì ăn liền Vị Phong. Tụi nó rất cần khoai mì. Cậu gắng kiếm chút vốn rồi lên đó thuê vài công đất trồng mì, chỉ vài tháng sau là có tiền rồi.

Trước khi nhập nghề trồng sắn, tôi phải theo ông bạn già đi khảo giá sắn cho biết thị trường mua bán ra sao, từ đó, khi có của rồi, mới biết ước giá, định giá mà bán, thì mới có lời.

Trong những lần đi dò đường để chuẩn bị vào nghề, tôi cũng học được một vài điều hay; tí như chuyện trước khi rở mì 2 ngày, chủ vườn lên tưới vố dưới gốc cây cho mì ngậm nước, khi nhổ củ, đem cân, trọng lượng sẽ tăng lên. Hoặc là đục một lỗ “thiên” đi một củ mì to nhứt trong chùm rễ cái, sau đó nén chặt gốc bằng đất, rồi trồng củ mới lên trên. Những vườn mì bị moi củ thường được bán “mão” nghĩa là định giá trước khi nhổ củ, người mua được “lùa”, thua chịu.

Sau khi đã điều đình với chủ đất để có sẵn sàng 4 mẫu đất canh tác, tôi về Sài Gòn chạy vốn. Thời buổi này, vay lời theo lãi suất hàng ngày là “xanh xít, đít đui” (Tiếng Pháp: Cinq:5, Six:6; Dix:10; Douze:12) tức là vay 5 thì trả 6, vay 10 phải trả 12.

Vay 1000 đồng ngày hôm nay, thì ngày mai phải trả 100 đồng, ngày mốt 100 đồng, cứ thế, trả trong 12 ngày thì hết cái nợ 1000 đồng.

Tôi đã từng mượn người hàng xóm 100 nghìn đồng để đi buôn quần áo SIDA. Chủ nợ ưu ái cho tôi không phải trả 10 nghìn hàng ngày, nhưng phải trả gộp cả vốn lẫn lãi 120 nghìn sau ngày thứ mười. Đi trồng mì mà vay vốn kiểu này chắc là không kham nổi!

Kinh nghiệm 13 năm trồng mì từ Bắc vào Nam, cho tôi biết, khúc mì vùi xuống đất, một tuần lễ sau còn chưa bén rễ, nảy nhánh. Sau 3 tháng, củ mì mới to bằng ngón chân cái, còn lâu mới bán được, làm cách nào mà thanh toán cho xong mấy chục cái nợ “xanh xít, đít đui” đây? Thôi đành bỏ ý tưởng kiếm cơm bằng nghề trồng khoai mì cho rồi!

Tôi lên rừng tiếp tục đi đào vàng...

Một hôm, tôi vừa trở về từ mỏ vàng Suối Nho, Gia Kiệm thì anh Lê lại tới thăm.

– Cậu Long có biết lái máy cày không?

Nghe hỏi, tôi đáp liền:

– Thiếu tá thì ông nào mà không biết lái trực thăng, xe tank, tàu thủy? Sá gì cái máy cày!

– Vậy mai này tôi chờ cậu lên lái máy cày giúp cho thằng rể của tôi. Thằng phụ máy của nó vừa tách ra làm ăn riêng. Cậu lên ở với vợ chồng nó, cậu cháu đùm bọc lẫn nhau mà sống cho qua ngày!

Thằng con rể ông bạn già của tôi đang sinh sống ở một vùng Kinh Tế Mới bên kia bên phà Hiếu Liêm của đập Trị An. Nó có cái máy cày hiệu John Deere. Hàng ngày nó cày thuê cho chủ đất quanh vùng, thu nhập rất là khấm khá.

2 ngày sau tôi trang bị một cái xách tay, trong đó chứa 3 bộ quần áo nhà binh cũ cùng một đôi giày bố đen, rồi giã từ vợ con, cất bước lên đường.

Trong giao kèo miệng giữa tôi và anh Lê thì tôi sẽ được vợ chồng chủ đài thọ ăn ở, do đó tôi không cần đem theo tiền để đi xe, đi tàu, hay tiền dần túi để tiêu vặt. Anh Lê phụ trách công tác chở tôi lên nhà thằng rể của anh.

Trước khi leo lên xe, anh Lê dúi cho tôi một tờ bản đồ chỉ dẫn giao thông vùng hai bên Hồ Trị An. Anh Lê nói:

– Tôi biết cậu cần thứ này nên đã tìm mua nó cho cậu để khi cần tìm địa chỉ khách hàng cậu không sợ bị lạc.

Vì ngồi đằng sau, lại bận bịu chuyện trò liên miên, tôi chẳng để ý theo dõi bản đồ hay nhìn phong cảnh hai bên đường nên chẳng biết nhà thằng con rể của anh Lê nằm ở vùng nào.

Xe qua đập rồi chạy vòng vèo khá lâu mới tới khu dân cư. Dân ở đây sống cách nhau hơi xa. Trước mỗi nhà đều có sân đất rộng cả sào, nhưng không có hàng rào. Sau căn nhà tôn

hoặc mái tranh là một thửa ruộng vuông vức, mỗi bề cả trăm thước. Hầu như ruộng nhà nào cũng trồng khoai mì. Khoai mì là loại cây ít cần công chăm sóc nhưt. Tới trưa hôm đó thì tôi đối diện với cái máy cày hiệu John Deere. Tuổi của cái John Deere này có khi còn già gấp đôi tuổi tôi. Chờ lúc 2 cha con ông bạn rủ nhau ra suối tắm, tôi mới len lén leo lên rờ rẫm cái tay lái.

Hôm qua trước mặt anh Lê, tôi lớn lối khoe khoang rằng: “Ông tá nào mà không biết lái máy cày!” đó là tôi “hù” ông bạn tôi thôi! Tôi có biết lái máy cày đâu! Tôi tính máy gì, xe gì, của Mỹ cũng phải có bảng chỉ dẫn gắn ngay trước tay lái, ai ngờ chiếc máy cày này già quá, cái bảng chỉ dẫn đã rụng mất tiêu từ thuở nào rồi!

Tôi quên chưa đính chính lại là có nhiều ông cấp tá, đeo lon trắng để vàng chói lóa mà chưa từng biết lái cái xe Jeep chứ đừng nói chi tới lái máy bay, tàu bò như tôi hù dọa anh Lê. Thật mà! Các vị tá này từ khi tốt nghiệp thiếu úy, chuẩn úy đã được ô dù che đậy, cho làm việc ở Bộ Tổng Tham Mưu, cứ sáng đi quá giang xe ông này, chiều đi nhờ xe ông khác, thết rồi lên tới tá vẫn chưa một lần được cấp xe. Không có xe riêng thì làm sao mà biết lái?

Rờ rẫm một hồi, tôi cũng dụ được cái John Deere già khú để rú lên, phun khói mịt mù. Con trâu già John Deere quá cũ, uống dầu như giếng không đáy, lại chạy chậm rì rì, bò suốt buổi mới xong một mẫu đất. Tôi mới làm quen với công việc cày xới chưa được 1 tuần lễ thì đột nhiên xảy ra chuyện không hay. Vào đúng ngày Rằm Âm Lịch, vừa xong công việc cúng vái các vị Thần Tài, Ông Địa, Thổ Công, Thổ Thần thì ông chủ nhỏ của tôi nhận được tin là, tất cả khách hàng quen của John Deere đồng loạt thông báo rằng, từ nay họ không thuê John Deere nữa. Nguyên do rất bình thường, chỉ vì có người chịu cày thuê cho họ với giá hạ hơn nhiều!

Cạnh tranh là phương châm cho tất cả mọi kinh doanh thu lợi. Anh phụ thợ cày của cái máy John Deere sau khi tậu được chiếc Kubota mới tinh thì trở thành đối thủ của anh chủ cũ. Máy Kubota vừa nhẹ vừa ăn ít dầu, chạy lâu không nóng máy, không phì hơi, không bốc khói; đất cày xong cũng dễ đánh tơi, trong khi rãnh cày John Deere không có ưu điểm ấy. Bạn ta còn một đòn chơi thật là xấu, bằng cách hạ giá mỗi mẫu cày tính là 8,000 đồng thôi, thay vì 10,000 theo giá cũ của John Deere.

Xưa nay John Deere thu về cho chủ 10,000 đồng mỗi hecta, trả công người lái như tôi 2,000 đồng, chủ còn lại 8,000 đồng, sau khi trang trải tiền dầu nhót, tiền vỏ lốp, tiền “đám mồm” cho cán bộ kinh tế, cán bộ thuế vụ của xã, chủ xe cũng chẳng còn được bao nhiêu. Ở nơi đồng không, mông quạnh này vốn đã buồn rồi, thất nghiệp lại càng buồn hơn. Thế là từ ấy, thằng con rể của ông bạn tôi đâm ra ghiền vọng cổ.

Vì ngày ngày ngồi chờ người gõ cửa thuê cày, vắng khách, nó bèn mở máy Cassette ra nghe Hùng Cường, Thành Được, Út Trà Ôn, ngân nga sáu câu mùi mẫn. Nghe xong, nó cố gân cổ ca theo 3 cha nội này quên cả ngủ, quên cả ăn. 2 cậu cháu chờ dài cả người, 3,

4 ngày mới có một anh thợ thuê bao chúng tôi lên ngàn kéo mây, kéo vầu, kéo nứa. Dịp này con trâu John Deere mới có dịp phun khói, uống dầu.

Vì có dịp lên núi kéo nứa, tôi thấy ở đây mây, tre, vầu, nứa bạt ngàn mà chẳng có kiểm lâm, thuế vụ gì cả; tôi chợt nảy ra ý nghĩ, thay vì đem xe đi kéo nứa cho người ta, tiền công chẳng được là bao, chỉ bằng mình tự chặt nứa rồi tự kéo nó về biến cái sân to rộng trước nhà thành chậu thành một vựa nứa, vựa tre, mỗi tuần chỉ cần đi 2 chuyến là no đủ rồi. Trong thời gian bị giam giữ trên Hoàng Liên Sơn, anh tù cải tạo nào mà không rành nghề đốn tre, chặt nứa? Thế là vững tin vào tay nghề của mình, tôi bỏ ra một ngày làm cỏ, quét dọn cái sân đất trước vườn thật sạch sẽ dành chỗ để mây, để tre.

Nào ngờ mình chưa ra quân, con trâu già John Deere đã trở quẻ! Hôm tôi đem cái gùi đồ nghề gồm mấy con dao quắm, dao phát và cái cưa tay chọt lên xe, đi qua chặng đường bằng phẳng thì không sao, nhưng vừa leo qua một con dốc nhỏ thì John Deere bỗng nằm ỉ ra không thèm chạy nữa! Người lái tăng ga thì nó rú lên; toàn thân nó run bần bật liên hồi như một ông lão đang lên cơn sốt cao, ho khù khụ. Tôi tắt máy, nhảy xuống quan sát thì thấy dưới gầm xe có một vũng dầu máy đen ngòm! Ôi thôi! John Deere bị bể bạc đạn rồi! 2 người loay hoay một lúc cũng tháo được cái bạc đạn đem ra ngoài ổ máy.

Thằng cháu hỏi hả chạy về nhà bắt vợ nó đập con heo đất, gom góp được 20 ngàn đồng, giao cho tôi.

– Cậu chịu khó vác cái bạc đạn này về Nguyễn Trãi thuê người ta xoay nòng cho cháu. Nếu thiếu tiền thì cậu ghé nhà Ba Má cháu nhờ ứng trước, cháu sẽ hoàn lại sau.

Tôi chưa biết đi đường nào để về Sài Gòn thì chợt nhớ ra cái bản đồ mà anh Lê đã trao cho tôi ngày khởi hành. Trên bản đồ ghi rõ từng chặng đường và từng loại phương tiện để đưa tôi về nhà. Nếu trong túi có tiền, cứ theo cái bản đồ mà đi, lo gì không tới. Tôi khệ nệ ôm cái túi vải bọc khoanh bạc đạn máy cày lết bộ ra hương lộ chờ xe ôm. Xe tới bến phà, móc bóp trả tiền tôi mới ngã ngửa: tôi phải trả 6 ngàn đồng cho chuyến thò này. Bác tài không cho tôi biết trước, muốn trả 2 ngàn đồng thì tôi phải chờ cho đủ 3 người mới trọn một chuyến đi. 3 khách thì tổng số tiền là 6 ngàn, đi một mình ên, cũng phải chi 6 ngàn.

Lúc tôi lên xe, ông tài chỉ phán gọn một câu:

– Ông đi suốt?

Thời buổi này chữ nghĩa mới, danh từ mới nhiều quá, tôi trở thành con người lạc hậu, không theo kịp, nên nghe ông ta hỏi “Ông đi suốt?” tôi cứ nghĩ rằng ông ta hỏi tôi muốn đi một lèo ra bến phà, mà không ngừng ở đâu, nên gật đầu.

– Dĩ nhiên!



Đâu ngờ hai tiếng “Dĩ nhiên!” đáng giá 6 ngàn đồng tiền Hồ! Ông lái xe thò là dân “Bắc Kỳ 75”, ông ta là đại diện cho nền văn hóa mới. Còn tôi là dân “Bắc Kỳ 54” lại bị đưa lên rừng, lên núi để “học tập cải tạo” một thời gian lâu tới 13 năm, nên không theo kịp cái văn minh đương thời của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Tới bến phà, khách không phải chờ lâu, bây giờ thời buổi hòa bình không tiếng súng, miễn có người trả tiền thì đò lúc nào cũng sẵn sàng rẽ sóng, bất kể ban ngày, hay ban đêm. Qua đò, tôi leo lên xe khách chạy đường Hiếu Liêm, Thành Phố Biên Hòa. Tới bến xe Biên Hòa, tôi phải sang xe Biên Hòa, Tân Cảng. Tới Tân Cảng, tôi leo lên xe Lamb về bến Phạm Ngũ Lão. Rồi từ Ga Phạm Ngũ Lão, tôi tiếp tục theo xe Lamb về chợ Nancy. Nhà tôi ở đằng sau chợ Nancy. Tới chợ Nancy, trả tiền xong thì trong túi tôi còn đúng 2 nghìn đồng, vừa bằng tiền công mà chủ trả cho tôi mỗi khi cày hoàn tất một hecta. Thấy đường từ chợ Nancy qua Nguyễn Trãi cũng không xa lắm, vả lại, trong bụng cũng tiếc tiền đi xích lô, nên tôi đành gắng sức đưa cái túi bạc đạn lên vai vừa đi vừa huýt gió cho quên mệt.

Chiều hôm đó trong khi ngồi ăn cơm, tôi nghe đài BBC loan tin khu mỏ vàng K3 ở Đon Dương vừa bị sập hầm vì mưa lũ. Tin sơ khởi cho biết rằng có vài chục người mất tích. 2 tháng trước tôi còn ngụp lặn ở K3! Nghĩ cho cùng thì số mình cũng còn hên! Thấy số mình vẫn còn hên, nên tôi quên mất cái buồn do chuyện sau nửa tháng trời chịu vất vả ở trên ngàn mà chỉ đem về nhà được 2 nghìn đồng bạc. May thay, trong thời gian chờ thợ tiện xoay nòng cái bạc đạn, tôi nhận được lời nhắn phải đi tới một căn gác tọa lạc trên đường Trương Minh Giảng để gặp một người tên là bà Hà để nhận quà.

Giữa trưa nắng cháy, vợ chồng tôi hí hửng chờ nhau trên chiếc xe đạp thò đi tìm nhà bà Hà. Nhà này nằm trong một con hẻm lớn. Nhà có một tầng lầu lợp tôn với cái lan can nhìn xuống phố. Bà Hà là Việt Kiều mới về từ Mỹ. Bà bắt tôi xuất trình Chứng Minh Nhân Dân để nhìn mặt xem tôi có phải là người mà bà có trách nhiệm giao quà hay không? Xem mặt tôi xong, bà Hà ra lan can quan sát một lúc, chắc chắn không bị ai theo dõi, bà trở vào mở tủ trao tay cho tôi một cái bì thư:

– Trong này có 200 đô la của anh Thọ gửi cho anh, anh đếm lại đi, rồi ký vào tờ giấy biên nhận cho tôi.

Tôi mở cái bì thư ra, thấy một tờ giấy 100 USD và ba tờ giấy 20 USD màu xanh lá cây cùng một tờ biên nhận, bên dưới có tên tôi, nhưng còn chờ chữ ký. Thấy tờ giấy biên nhận ghi rõ ràng con số 200 USD, tôi thắc mắc:

– Chị ơi! Chị nói trong bì thư này có 200 đô, mà sao tôi chỉ thấy 160 đô vậy?

– Thì tiền công “chuyển ngân” là 20 phần trăm (20%). 200 đô trừ 40 đô lệ phí, không còn 160 đô thì còn bao nhiêu? Anh là dân Võ Bị mà có bài tính giản dị như thế cũng không

thông ư? Tôi thấy anh Thọ nhanh nhẹn, tháo vát lắm, còn anh, sao mà có vẻ chậm tiêu quá!

Nhìn cái miệng dẻo quẹo của bà Hà, tôi nhủ thầm trong bụng:

“Đưa cho người ta 160 đô la mà bắt người ta ký nhận 200 đô la còn mắng người ta là dốt tính toán. Quả là thứ vừa ăn cướp vừa la làng!”

Thấy tôi đứng thù người, bà Hà hăm:

– Sao? Có nhận không? Nếu chê thì tôi chuyển tiền cho người khác, theo danh sách ưu tiên của anh Thọ. Ngoài anh ra, anh Thọ có cho tôi tên của 3 anh Khóa 20 Võ Bị, người ưu tiên kế tiếp sẽ nhận 200 này nếu tôi không liên lạc được với anh.

Tới nước này tôi đành quơ bút, ký cái hóa đơn đã nhận 200 USD do bạn của tôi tên là Thọ từ Hoa Kỳ gửi về.

Vợ chồng tôi từ biệt bà Hà mà quên chưa hỏi bà ta người gửi tiền cho tôi có tên “Anh Thọ” đang ở đâu? Vì lý do gì mà “Anh Thọ” lại gửi tiền cho tôi.

Ít lâu sau tôi nhận được một cái thư gửi từ California, Hoa Kỳ, tôi mới biết người bạn tên Thọ là ai. Thì ra anh Thọ, tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thọ, lúc đó đang là đại diện của Khóa 20 Võ Bị Hải Ngoại. Thọ là dân Biệt Động Quân với tôi, nhưng từ ngày ra trường, tôi chưa từng gặp lại bạn ấy. Tôi có nhiều bạn Biệt Động Quân thân thiết hơn Thọ nhiều, nhưng kể cả những người chịu ơn tôi trong quá khứ hiện đang ở Mỹ, thì chỉ có Thọ là người Biệt Động Quân đầu tiên còn nhớ tới tôi.

Trong thư, bạn Thọ ghi rõ ràng:

“Anh em bên này nghe tin mày được tha, ai cũng mừng. Như thông lệ, tao trích quỹ của khóa ra cho mày 100 USD. Nghe được tin này, anh Hồ Khắc Đàm, khóa 16, cũng nhờ tao gửi cho mày 60 đồng. Tao định rút thêm 40 đồng từ quỹ khóa để cho mày chẵn 200 USD nhưng thằng Nguyễn Thanh Đức không đồng ý, nó nói đưa nào cũng nhận được 100 USD sau khi được tha, không lý do gì mà phải cho mày nhiều hơn người khác. May mà có thằng Lại Thế Thiết cũng là dân Biệt Động Quân đã móc hầu bao bù vào 40 đô. Như vậy tổng cộng số tiền mày nhận sẽ là 200 đô. Tiện đây tao cũng cho mày hay, người mà mày thân thiết nhất, kỳ vọng nhất là thằng Nguyễn Lạn trước khi mày được ra trại, lúc nào gặp tao, nó cũng hỏi thăm mày. Nay tao nói mày đã về rồi thì nó làm lơ, không ý kiến. Mày cần gì ở nó, thì viết thư riêng cho nó, gửi tới địa chỉ của tao, tao trao lại.”

Lá thư của bạn tôi không đầy một trang giấy đánh máy. Tôi đã giữ lá thư này từ ngày nhận nó, cho tới 25 năm sau thì nó bị thất lạc. Tôi mãi mãi ghi trong lòng một món nợ mà tôi đã nhận từ những người bạn cùng binh chủng và cùng khóa Võ Bị đã ra tay giúp đỡ



tôi trong hoàn cảnh khốn cùng. Trong thư hồi âm cho bạn Nguyễn Hữu Thọ tôi đã nhờ bạn Thọ liên lạc tới từng người mà tôi nêu tên để cho tôi gửi lời cảm ơn. Trên đời này, có những món nợ mà suốt đời mình không thể có dịp để trả; mình không thể làm gì hơn bằng cách nói hai tiếng “Cảm ơn!”

Tôi đã không gửi thư cho người bạn thân nhất của tôi là anh Biệt Động Quân Nguyễn Lạn.

Tôi cũng quên không hỏi bạn Nguyễn Hữu Thọ rằng khi bà Hà nhận tiền bạn tôi trao, thì bà ta đã nhận lệ phí chuyển tiền chưa? Chuyện bà Hà giao cho tôi 160 đô la mà bắt tôi phải ký nhận 200 đô la trên biên lai thì có đúng giao kèo không? Đến ngày hẹn, tôi tới nhà máy tiện lấy cái bạc đạn rồi lên xe Lamb tới nhà anh Lê. Sau khi anh Lê bồi hoàn số tiền mà tôi đã ứng trước trả công cho nhà máy tiện, tôi xin anh cho tôi mượn chiếc xe Honda hai bánh của anh để đem cái bạc đạn cho con rể của anh. Lợi dụng dịp này, tôi có thể ghé vào những thôn xóm dọc đường để mời chào khách cần cày ruộng.

Dùng Honda chỉ tốn ít lít xăng, không mất công đi xe khách, xe Lamb, qua đò, qua phà, mà mỗi bước, mỗi tốn kém. Đi Honda tôi có dịp ngắm cảnh đẹp thiên nhiên bên đường, và được tận mắt chứng kiến cái hùng vĩ của con đập khổng lồ ngăn dòng chảy cuối nguồn của sông Da Dung. Hôm ấy, sau khi qua đập Trị An, trên đường tiến về Chiến Khu D, tôi chỉ thấy hai bên lộ, bạt ngàn rừng bạch đàn. Những năm gần đây, người ta trồng bạch đàn làm gì mà đâu đâu cũng thấy loại cây này, nhìn thấy ngợp. Tới Ngã Ba Lý Lịch, tôi rẽ vào khu xóm nhà bên tay phải rồi đi theo con đường đất đỏ rộng chừng 4 thước. Leo hết dốc thì hai bên đường hiện ra những khu vườn chia từng ô. Hình như nơi đây là một vùng Kinh Tế Mới, nên nhà nào cũng có diện tích sàn sàn bằng nhau. Sau vườn là những bãi mì xanh mướt um tùm.

Chắc mầm thế nào xứ này cũng có người cần cày máy, tôi chạy một lèo vừa đi vừa quan sát từ đầu xóm, tới cuối xóm. Tới cuối xóm tôi trở đầu, rồi tắt máy, dẫn xe quay ngược trở lại.

Gặp người nào nghi là chủ nhà, chủ đất tôi đều hỏi:

– Thưa bác, thưa ông, thưa bà có cần cày máy giúp hay không?

Đôi ba nhà vui vẻ trả lời, hỏi giá cả, hẹn ngày, đôi nhà không vốn vãi.

Gặp một ông lão tươi cười chặn đường tôi lại:

– Anh bạn ơi! Ghé văn phòng xã, hỏi ông Bí Thư hay ông Chủ Tịch chắc có ruộng thuê cày. Ruộng của các ông ấy thì cò bay thẳng cánh, mùa nào cũng cần tới các anh đây!

– Xin bác chỉ đường nào thì tới văn phòng xã?

– Thì cứ theo hương lộ này mà ra. Cuối đường là Văn Phòng Ủy Ban Nhân Dân Xã nằm bên tay phải.

– Cám ơn bác! Vậy là lúc đi vào, tôi đã đi qua đó!

Sau khi lễ phép chào từ già bác nông dân, tôi cho nổ máy xe. Văn phòng xã tìm không khó, nó nằm ngay nơi đầu dốc vào thôn.

Tôi hỏi một ông già đang ngồi bơm bánh xe đạp trước sân:

– Bác ơi! Bác làm ơn chỉ giùm tôi ai là ông chủ tịch xã hay bí thư xã! Tôi có việc cần gặp.

– Anh chờ chút!

Người già dừng tay, chạy vào căn nhà tôn. Sau đó ông quay ra, dẫn cái xe đạp bước đi:

– Có chuyện gì thì trình với ông ấy! Tôi phải về.

Một người đàn ông cao lớn, mặc quân phục kaki xanh, đầu đội cái nón cối cán bộ nhưng không mang phù hiệu, từ văn phòng xã bước ra:

– Anh cần gặp tôi có công chuyện gì?

– Tôi là người đi cày thuê. Nghe nói nhà ông có nhiều ruộng lắm! Nếu ông cần cày máy vỡ đất hay xới đất thì cho tôi làm. Công vỡ đất mới khai quang là 12 nghìn một hecta, công xới đất ruộng cũ là 10 nghìn.

– Anh ở gần đây à?

– Dạ tôi ở cách đây không xa lắm, chừng 2 cây số.

– Sao tôi chưa gặp mặt anh lần nào? Quanh đây chỉ có 2 anh lái cày thuê tôi đều nhận mặt. Mặt anh lạ hoắc!

– Tôi mới tới thôn này, tôi làm thuê cho chủ.

– Chủ anh có máy cày hiệu “Hôn Dê” (John Deere) hay hiệu “Cu bò” (Kubota)

– Dạ máy John Deere của Mỹ.

Nghe tôi trả lời, ông chủ tịch xã (hay bí thư xã) chột ngân người, trố mắt:

– Thì ra anh là Bắc Năm Tư! (1954)

Anh ta ngạc nhiên cũng phải, vì cách phát âm Anh Ngữ của tôi khác với những người Việt Nam thời đại mới. Với tôi thì chuyện người ta lấy làm kỳ khi nghe tôi nói câu gì đó có chen tiếng Pháp, tiếng Anh cũng là việc thường xảy ra. Tỷ như, trong những lần vào rừng Núi Voi, Đức Trọng để làm cây, làm gỗ, bạn rừng của tôi gọi cái máy cưa tay hiệu Brother là cái cưa “Bờ Rồ Te” trong khi đó tôi lại gọi nó với tên “Bro dờ”. Những dị biệt nhỏ nhỏ như thế đã khiến tôi thành mục tiêu cho các bạn tôi chê cười. Họ cứ kêu tôi là “anh chàng nhà quê” nói tiếng Anh, tiếng Tây dở ẹc!

Bất thành linh, người cán bộ Cộng sản vội vàng gỡ cái nón cối kẹp vào nách rồi nghiêng đầu nhìn chăm chú vào mặt tôi như đang quan sát một vật gì kỳ quái lắm. Cũng vì chuyện anh ta gỡ cái nón ra mà tôi nhìn rõ mặt người đối diện. Tôi thấy trên má y có một cái sẹo đen to bằng ngón tay cái nằm ngay dưới con mắt trái! Tôi giật mình, “Thằng Đông!”

Thằng Đông bây giờ to béo quá! Nếu không thấy cái sẹo trên má và nghe giọng nói quen quen của nó thì tôi đã không nhận ra!

Ngay khi ấy, người cán bộ Cộng sản cất tiếng la:

– Đúng rồi! Đúng rồi! Anh là Sơn! Trung úy Sơn!

Khi y há miệng, tôi thấy rõ hàm trên của y có ba bốn cái răng cửa bịt vàng. Ngày xưa thằng Đông có cái răng vàng nào đâu? Chắc bây giờ làm ăn khấm khá, nó mới trồng thêm mấy cái răng vàng để trang trí và khoe của.

Tôi chưa kịp phản ứng gì thì tên Việt cộng (Phan Đông) đã hần học tiếp:

– Anh không nhận ra tôi là người quen của anh ư? Tôi là người bị các anh đá gãy ba cái răng cửa đây! Phan Đông đây! Từ ngày chia tay nhau trên Đồng Nai Thượng, tới bây giờ mới gặp lại. 20 năm qua, tôi thấy anh thay đổi quá rồi đó! Anh không còn oai như hồi xưa! À này! Anh có biết thằng trung tá mắt lồi ác ôn đang ở đâu không? Còn anh, anh là trung úy Ngụy! Chắc anh trốn học tập cải tạo, giả dạng thường dân rồi lên đây lái máy cày thuê phải không?

Thời 1968–1971 ở Biển Hồ Pleiku, những người cấp dưới không có cảm tình với Trung tá Bùi Văn Sâm thường gọi lén tên ông với hõn danh “Ông trung tá mắt lồi”. Những lúc ông trung tá này nóng giận, hai mắt ông ấy lồi ra, nhìn thấy sợ lắm. Nghe thằng Đông nhắc tên Trung tá Sâm, tôi nhớ ra ngay cảnh nó ngồi ôm cái miệng đầy máu trong suốt thời gian chờ trực thẳng ngày ấy. Tôi vỡ lẽ, vì duyên cớ gì mà ngày nay miệng thằng Đông lại đầy răng vàng.

– Tôi có...

Tôi chưa nói ra trọn câu: “Tôi có... đi học tập cải tạo mà!” thì cụt tiếng ngay, vì tôi vừa thấy ánh mắt Phan Đông thoáng lộ vài tia sáng lấp lóe, gian trá, dị kỳ. Ánh mắt này tôi đã thấy hiện trên mặt y vào lúc y cùng Binh 2 Lê Văn Hậu vừa leo lên sàn chiếc trực thăng UH1 D năm nào. Phan Đông bỗng đổi giọng, liền thoáng, vồn vã:

– Gặp lại anh tôi mừng hết biết! Nào! Anh Sơn! Vào văn phòng của tôi đánh chén một chầu cái đã! Xe của anh chắc cũng đáng 5 cây vàng! Nhưng anh Sơn đừng lo! Anh cứ dẫn xe vào sân, đậu sát vách văn phòng của tôi! Không cần phải khóa cổ xe! Ở đây an toàn lắm.

Sau khi phát ngôn một tràng dài, chẳng ăn khớp gì với những lời y mới nói ra mấy giây đồng hồ trước đó, tên cán bộ xã xoay người đứng lui sang một bên giơ tay kéo rộng cánh cổng chờ tôi đẩy xe vào sân. Thấy cử chỉ và giọng điệu bất thường của tên cán bộ Cộng sản này đáng sợ quá, tôi chưa biết phải làm gì thì vừa may, Phan Đông bước dang ra xa. Ngay lập tức, tôi vội vàng phóng lên yên xe, mũi chân trái nhún mạnh xuống mặt lộ, chiếc Honda lao xuống dốc.

Phan Đông nhảy xổ ra đường, y giơ cao tay, chỉ một ngón về phía tôi, miệng hét:

– Trung úy Sơn! Đứng lại ngay!

Tôi ngoái cổ hét trả:

– Tao là thiếu tá! Tao là thiếu tá!

Bàn chân tôi chỉ cần nhấn nhẹ một cái trên cần sang số là động cơ nổ liền, “Bình! Bình! Bình!”

Xuống tới chân dốc, tôi vặn hết tay ga, chiếc Honda phóng như bay trên con lộ đất đỏ. 10 phút sau tôi đã về tới nhà thẳng con rề của anh Lê.

Sau khi để cái bạc đạn máy cày đã xoay nòng lên bàn, tôi kéo tay thẳng cháu ra góc vườn nói nhỏ với nó:

– Cậu phải rời đây ngay! Có người sẽ tìm giết cậu. Nếu có ai hỏi thăm cháu có người nào tên là Sơn tới giúp cháu lái máy cày không thì cháu cứ nói cách đây 1 tháng có một ông tên là Nguyễn Văn Hai, vừa mãn hạn tù cải tạo từ Sài Gòn lên xin việc làm nhưng cháu chưa chấp thuận. Ông ta đã về Sài Gòn mấy tuần nay chưa trở lại. Cháu cũng không biết địa chỉ cư trú của ông ta ở đâu cả.

Ông chủ trẻ tuổi của tôi nghe chuyện xong thì mặt mày tái mét:

– Vậy cậu tránh xa nơi này càng nhanh càng tốt. Cháu sẽ làm theo lời cậu dặn, cậu đừng lo!

Không kịp quơ mấy bộ quần áo thợ cày còn phơi trong nhà bếp, tôi vội vàng thót lên yên xe. Xê trưa hôm đó, con đường tôi về dài hơn con đường tôi ra đi buổi sáng. Vì muốn tránh mặt oan gia, tôi đã phải đi vòng thêm 4 hay 5 cây số về hướng Nam của Ngã Ba Lý Lịch. Trời vẫn trong, mây vẫn bay, gió vẫn hiu hiu, bạch đàn vẫn rì rào. Nhưng tôi không còn tâm trí nào mà thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên nơi cuối sông được nữa. Xe phóng qua mặt đập, rẽ vào con đường nhựa mà quân đội Đại Hàn xây dựng cách đây nhiều năm tôi mới bình tâm trở lại.

Nhớ chuyện vừa qua, hình dung ra bộ mặt hung dữ với những chiếc răng vàng sáng chói của thằng Đông, tôi vừa tức cười, vừa giận trong bụng:

“Mẹ nó! Nếu ngày ấy mà tao không can ngăn, chắc ông Sâm đã đá bỏ mẹ mày rồi! Mày không những chỉ gãy 3 cái răng cửa, có khi còn bể hết cả hàm trên lẫn hàm dưới, có khi còn vỡ mặt! Mày đã không biết ơn tao mà còn giận cá chém thớt! Mày đúng là cái đồ vô ơn!”

Tôi về tới Sài Gòn thì trời đã xế chiều. Sau khi trả xe cho anh Lê, tôi đã ngời kể hết cho anh ấy biết nguyên nhân vì sao tôi không theo nghề lái máy cày nữa. Tôi cứ dặn đi, dặn lại anh Lê rằng, nhớ bảo thằng con rể của anh đừng cho ai biết tên thực của tôi, cứ nói tên tôi là Nguyễn Văn Hai, không biết địa chỉ cư trú ở chỗ nào!

Ít lâu sau ngày này, vợ chồng anh Lê ghé nhà mời tôi lên nhà anh để dự đám cưới đứa con gái thứ ba. Dịp này anh Lê cho tôi biết tin tức mà anh nghe được ở Trị An:

“Vài ngày sau khi cậu Long rời Trị An thì 1 ông cán bộ xã đã tới thuê John Deere cày 2 hecta ruộng cũ. Ông cán bộ cứ hỏi dò anh chủ John Deere rằng nghe nói có một ông tên là Sơn người Bắc, đang làm thợ cày phụ với anh, ông Sơn bây giờ ở đâu? Thằng cháu đã cho ông ta biết tin ông Sơn mới được người nhà bảo lãnh đi Mỹ đoàn tụ rồi! Thằng cháu còn nói thêm rằng hình như hôm đó ông cán bộ có lặn súng ngắn trong lưng.”

Nghe xong, tôi hiểu chuyện liền. Người cán bộ Cộng sản kia đã không thuê Kubota với giá rẻ hơn, mà dám bỏ ra 4 nghìn đồng phụ trội để thuê John Deere, cũng chỉ vì anh ta muốn biết tin tức một người quen cũ có tên là “Trung úy Sơn”. Anh ta cần thận quá! Ban ngày ban mặt, đi trong địa phận mình cai trị để tìm người quen mà phải đem theo súng đạn.

Tôi chẳng ngạc nhiên chút nào, vì tôi biết, thời buổi ấy, nơi đồng rừng hiu quạnh, chuyện thủ tiêu một người không để lại dấu vết đâu có gì là khó khăn? Thêm vào đó, nếu kẻ chủ mưu làm chuyện này mà là một chức sắc của chính quyền Cộng sản địa phương thì cho

dù Bao Thanh Thiên có tái sinh cũng đành thúc thủ, không tài nào tìm ra thủ phạm! Có điều số mệnh của mỗi sinh vật hiện diện trên cõi đời này đều do Trời định. Dù tên cán bộ Cộng sản xã đã hăm hở lặn sừng sau lưng đi lùng sục khắp hang cùng, ngõ hẻm vùng xung quanh Đập Thủy Điện Trị An để tìm cho ra một người mang tên là “Trung úy Sơn” y cũng chỉ hoài công thôi. Ngay cả trường hợp y cất công về Sài Gòn, bỏ tiền ra mua chuộc nhân viên quản thủ hồ sơ cũ còn lưu trữ trong thư khố của Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam Cộng Hòa ngày xưa, rồi tìm tòi, truy cứu danh sách các quân nhân Biệt Động Quân Việt Nam Cộng Hòa của Vùng 2 Chiến Thuật, thì y cũng không thể tìm thấy cái tên này.

Vì trên thực tế thì làm gì có ông Trung úy nào tên là Sơn ở Đại Đội 1/11 Biệt Động Quân đâu?

Ngày xưa, trong thời gian tôi còn ở Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, thuộc cấp của tôi hiêm khi gọi tôi với tên “Long”. Trong đơn vị, người dưới quyền tôi thường gọi tôi với các tên “Trung úy” “Thái Sơn” và “Ông thầy” tùy theo mức độ thân tình. Có lẽ trong thời gian không đầy 2 tháng trời ngắn ngủi hiện diện ở Đại Đội 1/11 anh chàng Phan Đông chỉ nghe người khác gọi tôi là “Thái Sơn” nên anh ta tưởng tôi mang tên “Sơn” và mang họ “Thái” cũng nên?

Ngày ấy, sau khi bị một trận đòn đau, lại bị tổng giam vào trại tù Phiến Cộng, anh ta căm thù chúng tôi cũng đúng thôi! Nhưng chẳng lẽ Trung úy Thái Sơn và những người Biệt Động Quân khác của Đại Đội 1/11 phải dang tay “ôm hôn thắm thiết” 2 tên “đồng chí” vừa từ mật khu trở về?

Chẳng lẽ những người trai Việt Miền Nam phải bỏ dở nghiệp bút nghiên, theo chân nhau tòng quân, đáp lời sông núi, ngày đêm lặn lội rừng sâu núi thẳm, bảo vệ quê hương phải vỗ tay hoan nghênh, đón chào những tên “ăn cơm Quốc Gia, thờ ma Cộng sản” như anh học trò Phan Đông của Trường Trung Học Biên Hòa?

Sao anh ta không nghĩ lại, tự hỏi lòng anh ta rằng, anh ta mong muốn gì khi viết ba chữ S.O.S nơi đầu nguồn Dòng Nai?

Chẳng lẽ anh ta viết ba chữ S.O.S rồi ngồi chờ máy bay trực thăng của Liên Xô sẽ đáp xuống đón anh ta?

Người Quốc Gia luôn khoan dung độ lượng mở rộng vòng tay, nhưng với những kẻ phản bội nguy hiểm như Phan Đông thì không thể có chỗ đứng trong một đất nước Tự Do.

Vì lòng nhân đạo, chúng tôi đã cứu vớt 2 tên phản quốc, nhưng chúng tôi không thể tin dùng chúng được nữa.

Từ khi Phan Đông đào ngũ, đi theo giặc, Phan Đông và Thái Sơn, đã thành 2 người ở 2 chiến tuyến; trong đầu 2 người là 2 ý thức hệ đối nghịch nhau.

Thời gian như bóng câu...

Tôi ở Mỹ đã lâu lắm rồi, nhưng hàng ngày tôi vẫn theo dõi tình hình xảy ra trên quê hương cũ Việt Nam.

Đầu năm 2020, tôi đọc được những tin tức truyền rao tiếng kêu oan của những người thời xưa có công bao che, giấu giếm và nuôi dưỡng các chiến sĩ Cách Mạng chống Mỹ, Ngụy.

Nay họ than khóc vì bị chính quyền Cộng sản tịch thu hết đất đai, ruộng vườn. Từ ấy, tôi chợt nhớ lại chuyện đã xảy ra ở chón đầu nguồn và ở cuối nguồn của một dòng sông. Không biết giờ này anh cán bộ Phan Đông có còn sinh sống trong vùng Kinh Tế Mới cuối nguồn Đồng Nai không? Địa danh Đồng Nai và địa danh Đồng Tâm có chung một chữ Đồng.

Chắc anh cán bộ Phan Đông đã nghe những lời kêu cứu thảm thiết của những đồng chí của anh ta đang bị nhà cầm quyền Cộng sản tịch thu ruộng đất ở Đồng Tâm.

Chắc Phan Đông đã biết rằng, những người Cộng sản ở xứ Đồng Tâm có số tuổi đảng nhiều lần cao hơn, so với tuổi đảng của anh ta.

Tôi không rõ, khi những dòng chữ này được đưa lên net thì những hecta đất mà Phan Đông đã được phép làm chủ sau năm 1975 đã bị nhà nước Cộng sản sung công chưa?

Tôi mong rằng Phan Đông chưa vội nhắm mắt trước khi chứng kiến cảnh đổi đời tái diễn trên đất nước mình!

***Vương Mộng Long***

*Seattle, WA tháng 2 năm 2020*



---

*Nguồn: Internet eMail by CATHY chuyển*

*Đăng ngày Chúa Nhật, May 28, 2023  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*